

DỰ THẢO 3

LUẬT
ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Địa chất và Khoáng sản.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định việc điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; hoạt động khoáng sản; thu hồi khoáng sản; quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Khoáng sản là dầu khí; các loại nước thiên nhiên khác không phải là nước khoáng, nước nóng thiên nhiên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Địa chất* là các dạng vật chất cấu tạo nên trái đất, các quá trình diễn ra trong tự nhiên phát sinh từ sự tiến hoá của trái đất cũng như địa hình, cảnh quan, hiện tượng địa chất và môi trường được tạo ra do các quá trình tự nhiên.

2. *Tài nguyên địa chất* là các dạng vật chất hình thành từ các quá trình địa chất, tồn tại trong hoặc trên bề mặt Trái đất mà con người có thể khai thác, sử dụng, bao gồm: khoáng sản, di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên địa nhiệt, tài nguyên vị thế, cấu trúc địa chất tầng trữ, không gian lòng đất.

3. *Tài nguyên địa nhiệt* là các cấu trúc địa chất có dị thường về nhiệt độ có thể thăm dò, khai thác, sử dụng.

4. *Tài nguyên vị thế* là một khu vực có lợi thế về vị trí địa lý và tài nguyên địa chất có khả năng tạo ra giá trị và lợi ích khi khai thác tài nguyên địa chất.

5. *Cấu trúc địa chất tàng trữ* là thể địa chất được hình thành trong lòng đất, có khả năng lưu giữ các loại vật chất và thu hồi chúng.

6. *Di chỉ địa chất* là tập hợp các dấu hiệu, đặc điểm của hoạt động địa chất có giá trị nổi bật về khoa học, giáo dục, thẩm mỹ và kinh tế ở một khu vực xác định trên mặt hoặc trong lòng đất được phát hiện và ghi nhận trong quá trình điều tra địa chất.

7. *Di sản địa chất* là tập hợp một hoặc nhiều di chỉ địa chất được công nhận, xếp hạng.

8. *Tai biến địa chất* là hiện tượng tự nhiên bất thường có thể gây thiệt hại về môi trường, con người, tài sản, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội, gồm: động đất, hoạt động núi lửa, đứt gãy hoạt động, trượt lở đất đá, sụt lún bề mặt; nứt đất; xói lở bờ sông, bờ biển; ô nhiễm từ khoáng vật, nguyên tố độc hại có nguồn gốc tự nhiên.

9. *Điều tra cơ bản địa chất* là hoạt động nghiên cứu, điều tra cơ bản về cấu trúc, thành phần vật chất, lịch sử phát sinh, phát triển vỏ Trái đất, các điều kiện địa chất, quá trình địa chất và quy luật sinh khoáng nhằm đánh giá tiềm năng tài nguyên địa chất, các tác động của quá trình địa chất đến kinh tế xã hội và con người làm căn cứ khoa học cho việc định hướng hoạt động bảo vệ, quản lý tài nguyên địa chất.

10. *Điều tra địa chất về khoáng sản* là việc xác định quy mô, số lượng, chất lượng từng loại, nhóm khoáng sản theo cấu trúc địa chất có triển vọng trên cơ sở điều tra cơ bản địa chất làm căn cứ khoa học cho việc định hướng hoạt động thăm dò khoáng sản.

11. *Khoáng sản* là khoáng vật, khoáng chất có ích được tích tụ tự nhiên ở thể rắn, thể lỏng, thể khí tồn tại trong lòng đất, trên mặt đất, bao gồm cả khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ.

12. *Khoáng sản nguyên khai* là khoáng sản được khai thác, thu hồi chưa qua chế biến.

13. *Khoáng sản đi kèm* là khoáng sản có thể khai thác cùng với khoáng sản chính và có hiệu quả kinh tế.

14. *Khoáng sản chiến lược, quan trọng* là khoáng sản thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững và tăng cường quốc phòng, an ninh của Đất nước.

15. *Nước nóng thiên nhiên* là nước thiên nhiên dưới đất, có nơi lộ trên mặt đất, luôn có nhiệt độ tại nguồn đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật nước ngoài được phép áp dụng tại Việt Nam.

16. *Nước khoáng* là nước thiên nhiên dưới đất, có nơi lộ trên mặt đất, có

thành phần, tính chất và một số hợp chất có hoạt tính sinh học đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam hoặc tiêu chuẩn kỹ thuật nước ngoài được phép áp dụng tại Việt Nam.

17. *Hoạt động khoáng sản* bao gồm hoạt động thăm dò khoáng sản, hoạt động khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản.

18. *Thăm dò khoáng sản* là hoạt động nhằm xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản và các thông tin khác phục vụ khai thác khoáng sản.

19. *Khai thác khoáng sản* là hoạt động nhằm đưa khoáng sản ra khỏi nơi thành tạo tự nhiên, bao gồm xây dựng cơ bản mỏ, khai đào, chế biến khoáng sản và các hoạt động khác có liên quan trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

20. *Chế biến khoáng sản* là hoạt động phân loại, làm giàu khoáng sản, hoạt động khác nhằm làm tăng giá trị khoáng sản nguyên khai đã được khai thác.

21. *Khoáng sản độc hại* là loại khoáng sản có chứa một trong các nguyên tố Urani, Thori, Thủy ngân, Arsen, Chì, nhóm khoáng vật Asbet mà khi khai thác, sử dụng, lưu giữ phát tán ra môi trường những chất phóng xạ hoặc độc hại vượt mức quy định của quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam.

22. *Bất khả kháng trong hoạt động khoáng sản* là sự kiện khách quan, khó lường hoặc không thể lường trước mà khi xảy ra, tổ chức, cá nhân đã áp dụng mọi biện pháp nhưng không thể tránh, khắc phục, dẫn đến không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định.

23. *Quyết toán khoáng sản* là việc kiểm tra, tập hợp và thống kê số liệu về tài nguyên, trữ lượng, khối lượng, chất lượng các loại khoáng sản đã khai thác; khoáng sản còn lại trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác.

24. *Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản* là khoản tiền tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải trả cho Nhà nước để được thực hiện đặc quyền khai thác, thu hồi khoáng sản.

26. *Công suất khai thác* là khối lượng khoáng sản tối đa có thể khai thác được trong một khoảng thời gian nhất định (ngày, tháng hoặc năm) theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản và được quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản.

Điều 4. Chính sách của Nhà nước về địa chất, khoáng sản

1. Nhà nước có chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về địa chất, khoáng sản để bảo đảm tài nguyên địa chất, khoáng sản được bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của Đất nước.

2. Nhà nước đầu tư và tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển công nghệ trong công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa

chất về khoáng sản; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản.

3. Nhà nước đầu tư và tổ chức thực hiện thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng và một số khoáng sản có giá trị kinh tế, nhu cầu sử dụng lớn; quyết định việc cho phép thăm dò, khai thác khoáng sản chiến lược, quan trọng theo thỏa thuận quy định trong Hiệp định liên Chính phủ.

4. Nhà nước dành một phần kinh phí từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản để tăng cường cho công tác điều tra, đánh giá khoáng sản biển, khoáng sản ẩn sâu, thăm dò khoáng sản.

5. Nhà nước có chính sách dự trữ khoáng sản, xuất khẩu, nhập khẩu khoáng sản trong từng thời kỳ phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững kinh tế - xã hội trên nguyên tắc ưu tiên bảo đảm nguồn nguyên liệu cho sản xuất trong nước.

6. Dữ liệu địa chất, khoáng sản phải được xây dựng đồng bộ, quản lý tập trung, thống nhất và được khai thác, sử dụng có hiệu quả.

7. Nhà nước khuyến khích hợp tác và hỗ trợ quốc tế cho công tác quản lý nhà nước, đào tạo nguồn nhân lực; chia sẻ, sử dụng dữ liệu địa chất, khoáng sản; đầu tư thăm dò khoáng sản và khai thác khoáng sản.

8. Nhà nước bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, tổ chức, cá nhân và người dân tại địa phương nơi có tài nguyên địa chất, khoáng sản được khai thác, sử dụng trên cơ sở điều tiết nguồn thu từ hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên địa chất, khoáng sản.

Điều 5. Nguyên tắc điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản

1. Điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản;

b) Điều tra tổng hợp, toàn diện, bảo đảm tính kế thừa, không trùng lặp;

c) Các phương pháp kỹ thuật điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản phải bảo đảm phù hợp với đối tượng địa chất, tài nguyên địa chất; mục tiêu, nhiệm vụ điều tra; tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật;

d) Tổng hợp, cập nhật, thống kê, kiểm kê đầy đủ và cung cấp kịp thời các thông tin về kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phòng chống tai biến địa chất.

2. Hoạt động khoáng sản phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch gắn với yêu cầu về bảo vệ

môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

b) Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoặc chấp thuận;

c) Thăm dò khoáng sản phải đánh giá đầy đủ quy mô, trữ lượng, chất lượng các loại khoáng sản có trong khu vực thăm dò;

d) Khai thác khoáng sản phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường làm tiêu chuẩn cơ bản để quyết định đầu tư; áp dụng công nghệ khai thác tiên tiến, phù hợp với quy mô, đặc điểm từng mỏ, loại khoáng sản để thu hồi tối đa khoáng sản;

đ) Ưu tiên tổ chức, cá nhân đang khai thác hợp pháp được thăm dò xuống sâu và mở rộng để đánh giá đầy đủ, không chế hết thân khoáng sản đối với loại khoáng sản được cấp phép mà không phải đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

e) Hải hoà lợi ích và rủi ro giữa các bên có liên quan.

Điều 6. Hội nhập và hợp tác quốc tế về địa chất, khoáng sản

1. Nguyên tắc hội nhập và hợp tác quốc tế về địa chất, khoáng sản

a) Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản phải đặt trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng thời kỳ; chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Hiệp định liên Chính phủ, bảo đảm phù hợp với đường lối và chính sách đối ngoại của Việt Nam;

b) Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản phải bảo đảm nguyên tắc hợp tác bình đẳng, đôi bên cùng có lợi trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, tôn trọng pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Tranh chấp quốc tế về địa chất, khoáng sản được giải quyết thông qua các biện pháp hòa bình, theo thông lệ, pháp luật quốc tế và pháp luật của các bên liên quan.

2. Trách nhiệm trong hội nhập và hợp tác quốc tế về địa chất, khoáng sản

a) Nhà nước khuyến khích việc chủ động hội nhập quốc tế về nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ trong lĩnh vực điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, kiểm soát hoạt động khoáng sản và áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong khai thác, chế biến khoáng sản;

b) Tổ chức, cá nhân chủ động thực hiện các yêu cầu, điều kiện và tiêu chuẩn

quốc tế liên quan đến điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản được quốc tế công nhận và áp dụng rộng rãi để nâng cao năng lực cạnh tranh trong thương mại quốc tế;

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối tổng hợp hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản;

d) Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có hoạt động hợp tác quốc tế về điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản có trách nhiệm hằng năm đánh giá tình hình hoạt động hợp tác quốc tế của cơ quan mình, gửi báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 7. Phân nhóm khoáng sản

1. Căn cứ công dụng và mục đích quản lý, khoáng sản được phân thành các nhóm sau:

a) Khoáng sản nhóm I: bao gồm khoáng sản kim loại; khoáng sản năng lượng; đá quý, đá bán quý; khoáng chất công nghiệp; nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

b) Khoáng sản nhóm II: bao gồm các loại khoáng sản làm vật liệu trong ngành công nghiệp xây dựng có giá trị cao;

c) Khoáng sản nhóm III: bao gồm các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn;

d) Khoáng sản nhóm IV: bao gồm các loại đất sét, đất đồi; đất lẫn đá, cát, cuội, sỏi hoặc đất, sét có tên gọi khác chỉ phù hợp với mục đích làm vật liệu san lấp; đất đá thải của mỏ, trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

2. Chính phủ quy định chi tiết danh mục khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 8. Bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác

1. Khoáng sản chưa khai thác, kể cả khoáng sản ở bãi thải của mỏ đã đóng cửa và tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng phải được bảo vệ theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của Luật này.

3. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản có trách nhiệm:

a) Khi thăm dò khoáng sản phải đánh giá tổng hợp và báo cáo đầy đủ các thông tin, dữ liệu về loại khoáng sản phát hiện được trong khu vực thăm dò cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép;

b) Khi khai thác khoáng sản phải ưu tiên áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với quy mô, đặc điểm từng mỏ, loại khoáng sản để thu hồi tối đa các loại khoáng sản được phép khai thác; nếu phát hiện khoáng sản mới phải báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép;

c) Quản lý, bảo vệ khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng, khoáng sản đi kèm trong quá trình khai thác;

d) Đối với khu vực đã được cấp giấy phép khai thác nhưng chưa được giao đất hoặc chưa hoàn thành việc giải phóng mặt bằng, tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân tỉnh cấp tỉnh) để được hỗ trợ việc bảo vệ khoáng sản.

4. Tổ chức, cá nhân được giao sử dụng đất, sử dụng khu vực biển có trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong diện tích đất hoặc diện tích khu vực biển; không được tự ý khai thác khoáng sản, thu hồi khoáng sản.

5. Tổ chức, cá nhân khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, đô thị, khu dân cư tập trung nếu phát hiện khoáng sản nhóm I hoặc nhóm II phải báo cáo ngay cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 113 của Luật này, tổ chức bảo vệ khoáng sản được phát hiện.

6. Cơ quan quản lý nhà nước về điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản có trách nhiệm chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh danh mục các khu vực có tài nguyên địa chất, khoáng sản đã và đang được điều tra, đánh giá cần bảo vệ.

7. Nhà nước bảo đảm kinh phí cho công tác bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước các cấp hằng năm.

Điều 9. Quyền lợi, trách nhiệm của địa phương, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân nơi có tài nguyên địa chất, khoáng sản được khai thác

1. Quyền lợi của địa phương, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân:

a) Địa phương nơi có khoáng sản được khai thác được Nhà nước điều tiết khoản thu từ hoạt động khai thác khoáng sản để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Tham gia góp ý về biện pháp bảo đảm an toàn lao động, an ninh trật tự và bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên;

c) Được ưu tiên sử dụng lao động địa phương vào khai thác khoáng sản và các dịch vụ có liên quan;

d) Yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất, khoáng sản cung cấp hòm thư điện tử, số điện thoại hoặc địa chỉ tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị trong việc bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản và góp ý, đề xuất

hoàn thiện quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản.

2. Trách nhiệm của địa phương, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân:

a) Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật;

b) Tham gia bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; giám sát hoạt động khoáng sản;

c) Phản ánh với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản nếu phát hiện thấy dấu hiệu vi phạm.

Điều 10. Những hành vi bị cấm

1. Lợi dụng điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; hoạt động khoáng sản xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

2. Lợi dụng điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; thăm dò khoáng sản để khai thác tài nguyên địa chất, khoáng sản.

3. Thực hiện điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.

4. Cung cấp trái pháp luật thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản thuộc bí mật nhà nước.

5. Cản trở trái pháp luật công tác điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và hoạt động khoáng sản.

6. Cố ý hủy hoại mẫu vật địa chất, khoáng sản có giá trị, quý hiếm.

7. Kinh doanh khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp.

8. Các hành vi khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

Điều 11. Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng

1. Việc lập chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng phải bảo đảm các nguyên tắc và căn cứ sau đây:

a) Phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; chiến lược bảo vệ Tổ quốc; chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia; nhu cầu của thị trường thế giới;

b) Bảo đảm tính phối hợp đồng bộ giữa hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản trên phạm vi cả nước; khai thác, sử dụng hợp lý,

tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên địa chất, khoáng sản;

c) Bảo đảm nhu cầu về khoáng sản, tài nguyên địa chất khác phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội;

d) Kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản đã thực hiện; tiền đề và dấu hiệu địa chất liên quan đến tài nguyên địa chất, khoáng sản;

đ) Phù hợp với nguồn lực của Nhà nước theo từng thời kỳ.

2. Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng phải có các nội dung chính sau đây:

a) Quan điểm chỉ đạo, mục tiêu trong điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; khai thác khoáng sản, tài nguyên địa chất; bảo vệ khoáng sản, tài nguyên địa chất chưa khai thác; thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản;

b) Định hướng điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; định hướng nghiên cứu khoa học trong điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản từng thời kỳ; phối hợp, lồng ghép các hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản của các bộ, ngành, địa phương;

c) Định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên địa chất, khoáng sản; bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; thăm dò, khai thác khoáng sản cho từng nhóm khoáng sản, chế biến và sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản sau khai thác trong kỳ lập chiến lược;

d) Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu trong điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; khai thác, sử dụng khoáng sản, tài nguyên địa chất; bảo vệ khoáng sản, tài nguyên địa chất chưa khai thác, sử dụng; thăm dò, khai thác khoáng sản cho từng nhóm khoáng sản, chế biến và sử dụng hợp lý, tiết kiệm khoáng sản sau khai thác; dự trữ khoáng sản quốc gia.

3. Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng được lập cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 30 năm theo kỳ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương có liên quan lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng.

Điều 12. Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản

1. Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản là quy hoạch ngành quốc gia và được lập theo nguyên tắc sau:

a) Phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; bảo đảm an ninh, quốc phòng;

b) Bảo đảm tính thống nhất, liên tục, kế thừa, ổn định trong điều tra cơ bản

địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản trên phạm vi cả nước;

c) Cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản, tài nguyên địa chất khác phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm an ninh, quốc phòng; phòng, chống tai biến địa chất; thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng;

d) Phù hợp với nguồn lực quốc gia từng thời kỳ;

đ) Công khai, minh bạch.

2. Căn cứ lập quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản bao gồm các căn cứ theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các căn cứ sau đây:

a) Kết quả thực hiện quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản kỳ trước; nhu cầu điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản của các bộ, ngành, địa phương;

b) Nhu cầu thông tin, dữ liệu về tài nguyên địa chất, khoáng sản và các điều kiện địa chất khác;

c) Tiền đề, dấu hiệu địa chất liên quan đến tài nguyên địa chất, khoáng sản mới phát hiện.

3. Phạm vi, kỳ quy hoạch:

a) Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản là quy hoạch ngành quốc gia, được lập thống nhất trên phạm vi cả nước;

b) Thời kỳ quy hoạch là 10 năm, tầm nhìn 30 năm.

4. Nội dung quy hoạch:

a) Đánh giá tổng quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường, hiện trạng điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; tình hình khai thác, sử dụng khoáng sản, tài nguyên địa chất; thông tin, dữ liệu địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản;

b) Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước;

c) Xác định mục tiêu, định hướng điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; xác định trình tự ưu tiên theo đối tượng, khu vực, nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và khả năng đáp ứng về nguồn lực của Nhà nước theo từng giai đoạn;

d) Xác định các khoáng sản chiến lược, quan trọng và yêu cầu, tiến độ điều tra cơ bản trong kỳ quy hoạch;

đ) Xây dựng phương án tổng thể điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản trên phạm vi cả nước;

e) Xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch;

g) Giải pháp, kế hoạch và tiến độ thực hiện.

5. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, tổ chức thực hiện điều tra cơ

bản địa chất, khoáng sản phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản.

Điều 13. Quy hoạch khoáng sản

1. Quy hoạch khoáng sản là quy hoạch ngành quốc gia, gồm có:

- a) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm I;
- b) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm II.

2. Phương án quản lý về địa chất và khoáng sản được tích hợp vào quy hoạch tỉnh, bao gồm các nội dung sau:

a) Điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn;

b) Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;

c) Thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm III.

3. Quy hoạch khoáng sản, phương án quản lý về địa chất và khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều này được lập phải bảo đảm nguyên tắc hạn chế chia cắt khu vực khoáng sản có thể đầu tư khai thác hiệu quả ở quy mô lớn để khoanh định thành các khu vực có quy mô nhỏ.

4. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, tổ chức thực hiện quy hoạch khoáng sản phải tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch.

Điều 14. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm I

1. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm I là quy hoạch ngành quốc gia.

2. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm I phải căn cứ theo quy định của pháp luật về quy hoạch và các căn cứ sau đây:

a) Nhu cầu khoáng sản của các ngành kinh tế;

b) Kết quả điều tra địa chất về khoáng sản;

c) Tiến bộ khoa học và công nghệ trong thăm dò, khai thác khoáng sản hoặc phát hiện mới về khoáng sản ẩn sâu trong thăm dò, khai thác khoáng sản;

d) Kết quả thực hiện quy hoạch thời kỳ trước; kết quả đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Nội dung quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm I:

a) Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, kết quả điều tra địa chất về khoáng sản và hiện trạng thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng từng loại khoáng sản;

b) Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước cũng như tác động của việc khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản;

c) Phân tích, đánh giá chủ trương, định hướng phát triển kinh tế - xã hội liên quan đến việc thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản, bảo vệ môi trường quốc gia và các quy hoạch có liên quan;

d) Dự báo tiến bộ khoa học, công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội tác động tới việc thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản trong thời kỳ quy hoạch;

đ) Quan điểm, mục tiêu thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

e) Xác định quy mô đầu tư, công suất khai thác, yêu cầu về công nghệ khai thác, chế biến và giải pháp bảo vệ môi trường;

g) Bản đồ các khu vực thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản;

h) Định hướng nhu cầu sử dụng khoáng sản và khả năng đáp ứng nhu cầu trong kỳ quy hoạch; bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu;

i) Giải pháp, kinh phí, kế hoạch tổ chức, tiến độ thực hiện quy hoạch.

4. Bộ Công Thương tổ chức lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm I.

Điều 15. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm II

1. Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm II là quy hoạch ngành quốc gia.

2. Căn cứ lập quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm II được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật này.

3. Nội dung quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm II được thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, k và l khoản 3 Điều 14 của Luật này.

4. Bộ Xây dựng tổ chức lập, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm II.

Điều 16. Điều chỉnh quy hoạch khoáng sản

1. Quy hoạch khoáng sản, phương án quản lý về địa chất và khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật này được điều chỉnh khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có một trong các căn cứ điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch;

b) Vì lợi ích quốc gia, lợi ích cộng đồng;

c) Có phát hiện mới về tài nguyên địa chất, khoáng sản;

d) Thăm dò, khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 29 của Luật này;

đ) Khi có sự chồng lấn giữa các khu vực khoáng sản thuộc quy hoạch khoáng sản hoặc phương án quản lý về địa chất và khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật này được phê duyệt với quy hoạch, dự án khác được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định của pháp luật;

e) Khi có yêu cầu phải cập nhật các thông tin, số liệu về địa danh, ranh giới, tọa độ, tài nguyên, trữ lượng, công suất khai thác, kỳ quy hoạch trong quá trình thực hiện quy hoạch.

2. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Chương III

ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT

Điều 17. Nội dung và trách nhiệm của nhà nước trong điều tra cơ bản địa chất

1. Nội dung điều tra cơ bản địa chất:

a) Điều tra, xác lập quy luật phân bố, dự báo các cấu trúc có triển vọng tài nguyên địa chất để lập bản đồ địa chất quốc gia các tỉ lệ đến 1:50.000, bao gồm các bộ bản đồ: địa chất; các trường địa vật lý; địa hóa; địa mạo; vỏ phong hóa; tai biến địa chất; di sản địa chất; địa chất môi trường; địa chất thủy văn; địa chất công trình; địa chất đô thị;

b) Điều tra, lập bản đồ địa chất chuyên đề tỷ lệ lớn hơn 1:50.000 theo các chuyên đề và theo yêu cầu quản lý;

c) Điều tra, khoanh định, lập bản đồ các khu vực di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế; điều tra địa chất môi trường, tai biến địa chất; điều tra địa chất công trình, địa chất đô thị; điều tra điều kiện địa chất khác.

2. Trách nhiệm của nhà nước trong điều tra cơ bản địa chất:

a) Điều tra cơ bản địa chất do Nhà nước thực hiện theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Kinh phí cho điều tra cơ bản địa chất được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm;

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất;

d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan nhà nước thực hiện điều tra cơ

bản địa chất theo đề án, dự án hoặc nhiệm vụ được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết nội dung điều tra cơ bản địa chất; lập, thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo, công bố kết quả điều tra cơ bản địa chất.

Điều 18. Điều tra, khoanh định, lập bản đồ các khu vực di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế

1. Nội dung điều tra di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế bao gồm:
 - a) Điều tra, đánh giá về giá trị khoa học, giáo dục của di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế; trong đó tập trung điều tra, đánh giá về vị trí, không gian phân bố, đặc điểm địa lý, địa chất, tính đa dạng địa chất và ý nghĩa khoa học, giáo dục về địa chất;
 - b) Điều tra, đánh giá về giá trị thẩm mỹ của di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế;
 - c) Điều tra, đánh giá về giá trị kinh tế và tiềm năng khai thác, sử dụng của di sản địa chất và tài nguyên vị thế;
 - d) Xác định mức độ ảnh hưởng và nhu cầu bảo tồn di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế.
2. Khoanh định, lập bản đồ các khu vực có di chỉ địa chất, di sản địa chất, tài nguyên vị thế.

Điều 19. Điều tra địa chất môi trường, tai biến địa chất

1. Nội dung điều tra địa chất môi trường gồm:
 - a) Đặc điểm địa chất, địa hoá, địa vật lý của các thực thể địa chất; các quá trình địa chất có liên quan đến môi trường tự nhiên;
 - b) Xác định các yếu tố tự nhiên và nhân tạo gây ra dị thường, khả năng phát tán dị thường làm ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên;
 - c) Lập bản đồ hiện trạng, phân vùng địa chất môi trường;
 - d) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất môi trường.
2. Nội dung điều tra tai biến địa chất gồm:
 - a) Đặc điểm địa chất, địa kỹ thuật của các thực thể địa chất; các quá trình địa chất có liên quan; các biểu hiện, động thái tai biến địa chất;
 - b) Các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội liên quan đến tai biến địa chất;
 - c) Lập bản đồ hiện trạng, phân vùng cảnh báo tai biến địa chất;
 - d) Xây dựng cơ sở dữ liệu tai biến địa chất.
3. Trong quá trình điều tra phải tiến hành quan trắc, cảnh báo môi trường

địa chất, tai biến địa chất.

Điều 20. Điều tra địa chất công trình, địa chất đô thị

1. Nội dung điều tra địa chất công trình bao gồm:

- a) Điều tra, đánh giá, xác định cấu trúc địa chất, địa hình địa mạo, địa chất thủy văn, các quá trình và hiện tượng địa chất động lực, tính chất cơ lý đất, đá;
- b) Xác định mối quan hệ và quy luật thay đổi không gian giữa các yếu tố cấu trúc địa chất, địa hình địa mạo, địa chất thủy văn, các quá trình và hiện tượng địa chất động lực, tính chất cơ lý đất, đá;
- c) Đánh giá tác động các điều kiện địa chất công trình đến cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế - xã hội;
- d) Lập bản đồ phân vùng địa chất công trình với tỷ lệ thích hợp, thể hiện rõ miền, vùng, khu địa chất công trình;
- đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất công trình.

2. Nội dung điều tra địa chất đô thị bao gồm:

- a) Điều tra địa chất, địa vật lý, địa chất công trình, địa chất thủy văn, địa chất môi trường, tai biến địa chất;
- b) Xác định thông tin quy hoạch đô thị, tài nguyên địa chất có trong khu vực điều tra; đánh giá áp lực và tương tác do con người gây ra trong môi trường địa chất đô thị;
- c) Lập bản đồ không gian địa chất đô thị;
- d) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất đô thị.

Điều 21. Điều tra điều kiện địa chất khác

1. Điều tra điều kiện địa chất khác gồm: điều tra, lập bản đồ không gian địa chất, bản đồ không gian lòng đất; tài nguyên địa nhiệt; tài nguyên vị thế quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

2. Lập bản đồ không gian địa chất là việc lập bản đồ không gian ba chiều kỹ thuật số, thể hiện các thực thể, hiện tượng địa chất với đầy đủ thuộc tính về đặc điểm thành phần vật chất, vật lý, hoá học, cơ học và mối quan hệ giữa chúng, phù hợp với tỷ lệ điều tra với các nội dung sau:

- a) Thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá các thông tin, dữ liệu về địa chất, tài nguyên địa chất, điều tra bổ sung các dữ liệu còn thiếu; mô phỏng các thực thể địa chất; lập bản đồ không gian địa chất;
- b) Cập nhật bản đồ không gian địa chất được thực hiện định kỳ hằng năm hoặc đột xuất. Việc cập nhật đột xuất khi có sự biến động đột ngột của các thực thể địa chất do các nguyên nhân tự nhiên hoặc nhân tạo.

3. Lập bản đồ không gian lòng đất là việc lập bản đồ không gian ba chiều kỹ thuật số trên nền bản đồ không gian địa chất, thể hiện các khu vực không gian lòng đất gồm các nội dung sau:

a) Thu thập, tổng hợp, điều tra bổ sung, phân tích, đánh giá các thông tin, dữ liệu tài nguyên địa chất; kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, nhu cầu sử dụng không gian lòng đất, hiện trạng sử dụng không gian lòng đất;

b) Lập bản đồ phân bố các cấu trúc tầng trữ; đánh giá đặc điểm địa chất, điều kiện địa chất và khả năng tầng trữ của các cấu trúc địa chất để khoanh định các cấu trúc thuận lợi có thể sử dụng lưu trữ các chất không có bề chứa, chôn lấp chất thải, CO₂, bổ cập nước dưới đất, lưu giữ năng lượng địa chất và các công dụng khác.

4. Điều tra cơ bản tài nguyên địa nhiệt gồm các nội dung sau:

a) Điều tra, khoanh định, lập bản đồ các khu vực có tiềm năng tài nguyên địa nhiệt trên cơ sở kết quả điều tra cơ bản địa chất;

b) Đánh giá đặc điểm địa chất, điều kiện địa chất, nguồn gốc thành tạo và khả năng thu hồi nhiệt năng từ nguồn địa nhiệt tại khu vực có tiềm năng tài nguyên địa nhiệt đã khoanh định, định hướng cho công tác quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng.

5. Điều tra cơ bản về tài nguyên vị thế gồm các nội dung sau:

a) Điều tra, khoanh định, lập bản đồ các khu vực có tiềm năng tài nguyên vị thế trên cơ sở kết quả điều tra cơ bản địa chất;

b) Đánh giá vị trí, đặc điểm địa chất, điều kiện địa chất, lịch sử hình thành và có khả năng tạo ra giá trị và lợi ích khi khai thác tài nguyên địa chất đã khoanh định, định hướng cho công tác quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức hoạt động điều tra cơ bản địa chất

1. Quyền của tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất:

a) Tiến hành điều tra cơ bản địa chất theo đề án, dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất phê duyệt;

b) Chuyển ra ngoài khu vực điều tra địa chất, kể cả ra nước ngoài các loại mẫu vật với khối lượng và chủng loại phù hợp với tính chất và yêu cầu để phân tích, thử nghiệm theo đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt;

c) Thực hiện các quyền khác liên quan đến hoạt động điều tra cơ bản địa chất theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất:

a) Đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất trước khi thực hiện;

- b) Thực hiện đúng đề án đã được phê duyệt và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật, định mức, đơn giá trong điều tra cơ bản địa chất;
- c) Bảo đảm tính trung thực, đầy đủ trong việc thu thập, tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu địa chất; không được tiết lộ thông tin về địa chất, tài nguyên địa chất trong quá trình điều tra cơ bản địa chất;
- d) Bảo vệ môi trường, tài nguyên địa chất, khoáng sản trong quá trình điều tra cơ bản địa chất;
- đ) Trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất phê duyệt báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất;
- e) Nộp báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất, mẫu vật địa chất theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của Luật này;
- g) Thực hiện các nghĩa vụ khác liên quan đến điều tra cơ bản địa chất theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU TRA ĐỊA CHẤT VỀ KHOÁNG SẢN

Điều 23. Nội dung và trách nhiệm của nhà nước trong điều tra địa chất về khoáng sản

1. Nội dung điều tra địa chất về khoáng sản:
 - a) Điều tra địa chất về khoáng sản tại các cấu trúc địa chất có tiền đề, dấu hiệu thuận lợi trên cơ sở kết quả điều tra cơ bản địa chất; khoanh định các diện tích triển vọng để đánh giá tài nguyên;
 - b) Đánh giá tiềm năng khoáng sản nhằm xác định khoáng sản chính và các khoáng sản đi kèm trong diện tích đánh giá.
2. Trách nhiệm của nhà nước trong điều tra địa chất về khoáng sản:
 - a) Điều tra địa chất về khoáng sản do Nhà nước thực hiện theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
 - b) Kinh phí cho điều tra địa chất về khoáng sản được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm; kinh phí của tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư;
 - c) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện điều tra địa chất về khoáng sản;
 - d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện đánh giá tiềm năng khoáng sản phục vụ công tác lập quy hoạch, đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 113 của Luật này.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết nội dung điều tra địa chất về khoáng sản; lập, thẩm định, phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra địa chất về khoáng sản.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện điều tra địa chất về khoáng sản

1. Quyền của tổ chức thực hiện điều tra địa chất về khoáng sản:
 - a) Điều tra theo đề án, dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất phê duyệt;
 - b) Chuyển ra ngoài khu vực điều tra, kể cả ra nước ngoài các loại mẫu vật với khối lượng và chủng loại phù hợp với tính chất và yêu cầu để phân tích, thử nghiệm theo đề án, dự án, nhiệm vụ đã được phê duyệt.
2. Nghĩa vụ của tổ chức thực hiện điều tra địa chất về khoáng sản:
 - a) Đăng ký điều tra địa chất về khoáng sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất trước khi thực hiện;
 - b) Thực hiện đúng đề án đã được phê duyệt và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật, định mức, đơn giá trong điều tra địa chất về khoáng sản;
 - c) Bảo đảm tính trung thực, đầy đủ trong việc thu thập, tổng hợp tài liệu, thông tin, dữ liệu; không được tiết lộ thông tin về địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản trong quá trình điều tra;
 - d) Bảo vệ môi trường, tài nguyên địa chất, khoáng sản;
 - đ) Trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất phê duyệt báo cáo kết quả điều tra địa chất về khoáng sản;
 - e) Nộp báo cáo kết quả điều tra địa chất, mẫu vật địa chất theo quy định của pháp luật về lưu trữ và quy định của Luật này.

Điều 25. Nguyên tắc tham gia đầu tư, việc lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra địa chất về khoáng sản

1. Nguyên tắc tham gia đầu tư điều tra địa chất về khoáng sản:
 - a) Đề án điều tra phải thuộc danh mục, đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;
 - b) Việc tham gia đầu tư điều tra địa chất về khoáng sản phải bảo đảm kinh phí thực hiện toàn bộ đề án;
 - c) Việc tham gia đầu tư điều tra địa chất về khoáng sản được thể hiện trong hợp đồng giữa tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất;
 - d) Chịu sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất trong quá trình thực hiện đề án.
2. Việc lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư thực hiện theo quy định sau đây:

a) Cơ quan có thẩm quyền công bố khu vực có nhu cầu góp vốn đầu tư, hồ sơ tham gia đầu tư;

b) Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư;

c) Công bố tổ chức, cá nhân được lựa chọn.

3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra địa chất về khoáng sản:

a) Được tham gia lập đề án, kiểm tra, giám sát thi công, nghiệm thu báo cáo kết quả thực hiện đề án;

b) Được lựa chọn khu vực có tiềm năng khoáng sản để đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã tham gia đầu tư;

c) Được sử dụng thông tin, dữ liệu điều tra địa chất về khoáng sản trong khu vực góp vốn đầu tư và các thông tin dữ liệu, điều tra cơ bản địa chất khác theo quy định của pháp luật để lập hồ sơ thăm dò khoáng sản;

d) Thực hiện đúng hợp đồng đã ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất;

đ) Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư điều tra địa chất về khoáng sản không được hoàn trả kinh phí đầu tư trong trường hợp không đủ điều kiện để được cấp phép thăm dò khoáng sản ở khu vực đã lựa chọn theo quy định của Luật này hoặc không có nhu cầu tiếp tục thăm dò.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 26. Đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản

1. Tổ chức thực hiện đề án, dự án, nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản phải đăng ký trước khi thực hiện.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản.

Chương V

KHU VỰC KHOÁNG SẢN; SỬ DỤNG ĐẤT, NƯỚC, KHU VỰC BIÊN VÀ HẠ TẦNG, KỸ THUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Mục 1

KHU VỰC KHOÁNG SẢN

Điều 27. Phân loại khu vực khoáng sản

1. Khu vực hoạt động khoáng sản.

2. Khu vực quy hoạch hoạt động khoáng sản.

3. Khu vực cấm hoạt động khoáng sản.
4. Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.
5. Khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.
6. Khu vực khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.

Điều 28. Khu vực hoạt động khoáng sản, quy hoạch hoạt động khoáng sản

1. Khu vực hoạt động khoáng sản là khu vực đã được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc giấy phép khai thác khoáng sản đang còn hiệu lực.

2. Khu vực quy hoạch hoạt động khoáng sản là khu vực có khoáng sản đã được điều tra địa chất về khoáng sản và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khoanh định trong quy hoạch khoáng sản, quy hoạch tỉnh quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 13 của Luật này.

3. Căn cứ vào yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh; ngăn ngừa, giảm thiểu tác động đến môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hóa; bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; bảo vệ các công trình quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 29 Luật này, hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản có thể bị hạn chế về:

- a) Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò, khai thác;
- b) Công suất tối đa được phép khai thác;
- c) Thời gian khai thác;
- d) Diện tích, độ sâu khai thác và phương pháp thăm dò, khai thác.

4. Căn cứ yêu cầu của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 113 của Luật này quyết định nội dung, hình thức hạn chế hoạt động khoáng sản quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 29. Khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

1. Khu vực cấm hoạt động khoáng sản được khoanh định trên cơ sở một trong các yếu tố sau:

a) Di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- b) Khu bảo tồn địa chất, khu bảo tồn biển;
- c) Khu vực đất quốc phòng, an ninh;
- d) Đất tôn giáo;

đ) Phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; phạm vi hành lang bảo vệ an toàn hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, đê điều; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải; công trình năng

lượng, dầu khí; công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.

2. Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được khoanh định khi có một trong các yêu cầu sau đây:

a) Yêu cầu về quốc phòng, an ninh;

b) Bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đang được Nhà nước xem xét, công nhận hoặc phát hiện trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản;

c) Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai;

d) Khu vực sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông; khu vực bờ biển bị sạt, lở hoặc có nguy cơ sạt, lở bờ biển;

3. Trường hợp khu vực đang có hoạt động khoáng sản hợp pháp mà bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thì tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp cần thăm dò, khai thác khoáng sản ở khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 113 của Luật này báo cáo Thủ tướng Chính phủ để được xem xét chấp thuận trước khi cấp giấy phép.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khoanh định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản sau khi có ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan.

Điều 30. Khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ

1. Khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ là khu vực có khoáng sản nhóm I, II và chỉ phù hợp với hình thức khai thác quy mô nhỏ được xác định trên cơ sở sau:

a) Kết quả đánh giá tiềm năng khoáng sản trong giai đoạn điều tra địa chất về khoáng sản;

b) Kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Phần trữ lượng khoáng sản còn lại của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ nhưng quy mô tài nguyên, trữ lượng khoáng sản chỉ phù hợp với quy mô phân tán, nhỏ lẻ.

2. Chính phủ quy định quy mô tài nguyên, trữ lượng khoáng sản để khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.

Điều 31. Khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

Khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia là khu vực có khoáng sản nhóm I và II chưa khai thác được xác định căn cứ vào kết quả điều tra địa chất về khoáng

sản, kết quả thăm dò khoáng sản, bao gồm:

1. Khu vực có khoáng sản cần dự trữ cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội.
2. Khu vực có khoáng sản nhưng được ưu tiên phát triển kinh tế mũi nhọn, có lợi thế cạnh tranh nổi trội.
3. Khu vực có khoáng sản nhưng chưa đủ điều kiện để khai thác hiệu quả hoặc có đủ điều kiện khai thác nhưng chưa có các giải pháp khắc phục tác động xấu đến môi trường.

Mục 2

QUẢN LÝ KHOÁNG SẢN

TRONG KHU VỰC DỰ TRỮ KHOÁNG SẢN QUỐC GIA

Điều 32. Khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Tiêu chí khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia:
 - a) Phù hợp với quy định tại Điều 31 của Luật này;
 - b) Thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt trên cơ sở kết quả phân vùng môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Quyết định phê duyệt kết quả khoanh định khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia bao gồm các nội dung chính sau:
 - a) Tên khu vực dự trữ khoáng sản;
 - b) Loại khoáng sản kèm theo tọa độ các điểm khép góc, diện tích, mức sâu của khu vực dự trữ khoáng sản;
 - c) Quy mô tài nguyên, trữ lượng khoáng sản;
 - d) Thời gian dự trữ;
 - đ) Trách nhiệm bảo vệ khoáng sản thuộc khu vực dự trữ;
 - e) Kế hoạch tổ chức thực hiện.
3. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục lập, trình phê duyệt khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

Điều 33. Điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Việc điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia đã phê duyệt được thực hiện trong các trường hợp sau:
 - a) Bổ sung vào danh mục khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia khi có phát hiện mới về khoáng sản và cần dự trữ cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội;
 - b) Đưa ra khỏi danh mục một phần hay toàn bộ khu vực khoáng sản đã khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia để bổ sung vào quy hoạch khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này theo quy định của pháp luật về quy

hoạch; phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh; thực hiện các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, trừ trường hợp quy định tại Điều 36 của Luật này.

2. Chính phủ quy định hồ sơ, trình tự điều chỉnh khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

Điều 34. Thời gian dự trữ tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia được xác định theo Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng, tối thiểu 20 năm và tối đa không quá 70 năm. Trường hợp khi thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia đã hết mà chưa có nhu cầu bổ sung khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ vào quy hoạch khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này thì tiếp tục gia hạn thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian dự trữ, gia hạn thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia.

Điều 35. Quản lý, bảo vệ khoáng sản tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Khoáng sản dự trữ phải được bảo vệ nghiêm ngặt.

2. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư tại các khu vực đã khoanh định là khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, chủ đầu tư dự án có nghĩa vụ:

a) Bảo vệ khoáng sản trong phạm vi khu vực triển khai dự án;

b) Không lợi dụng việc thực hiện dự án đầu tư, xây dựng công trình để khai thác khoáng sản nằm trong khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 36 của Luật này.

3. Trường hợp vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, ngoài việc bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản, tùy thuộc vào tính chất, mức độ vi phạm và khối lượng khoáng sản bị khai thác trái phép, chủ đầu tư dự án còn bị đình chỉ có thời hạn việc thực hiện dự án đầu tư hoặc bị thu hồi văn bản cho phép thu hồi khoáng sản, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 36. Thực hiện dự án đầu tư, công trình tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Không thực hiện dự án đầu tư, công trình sau đây tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia:

a) Các dự án đầu tư có mục đích sử dụng đất lâu dài, trừ các dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ lợi ích quốc gia, công cộng; công trình, dự án quan trọng quốc gia thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ;

b) Các công trình xây dựng thuộc cấp công trình đặc biệt, cấp I theo quy định pháp luật về xây dựng.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, trừ các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải đánh giá mức độ ảnh hưởng đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng; giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định tại khoản 3 Điều này. Thời điểm đánh giá được thực hiện trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, đề xuất chủ trương đầu tư, đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng.

3. Nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng; giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia gồm:

a) Tổng quan khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ trong diện tích dự án, bao gồm mức độ điều tra địa chất về khoáng sản; hiện trạng tài nguyên, trữ lượng và thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản (nếu có);

b) Đánh giá mức độ tác động của hoạt động của dự án đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng đối với loại khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ; xác định rõ hạng mục công trình có thể tác động trực tiếp đến khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ;

c) Giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ nằm trong diện tích dự án;

d) Cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi dự án.

4. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia không vượt quá thời gian dự trữ còn lại của khu vực có khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ đó.

5. Nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng đến tài nguyên, trữ lượng, chất lượng; giải pháp bảo vệ khoáng sản thuộc khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất, khoáng sản xem xét đồng thời với hồ sơ đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư.

6. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư sau khi có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia.

7. Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia phải theo dõi, giám sát và kịp thời báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia đối với trường hợp khi thi công xây dựng hoặc trong quá trình vận hành dự án mà có tác động trực tiếp đến loại khoáng sản thuộc đối tượng dự trữ để xử lý theo quy định tại các khoản 8, 9 và 10 Điều này.

8. Trường hợp khi triển khai thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia mà bắt buộc phải san gạt, đào đắp bề mặt địa hình, tác động trực tiếp đến khoáng sản dự trữ thì tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án để tổ chức kiểm tra, quyết định việc cho phép thu hồi hoặc không thu hồi khoáng sản.

9. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này quyết định việc thu hồi khoáng sản và được thực hiện theo nguyên tắc sau:

a) Được Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận bằng văn bản đối với khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Thu hồi khoáng sản được thực hiện đồng thời khi triển khai dự án;

c) Chủ đầu tư dự án phải tổ chức thu hồi khoáng sản theo quy định tại khoản 10 Điều này. Trường hợp không tổ chức thu hồi, chủ đầu tư phải đề xuất tổ chức, đơn vị khác để thu hồi và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

10. Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều này được phép thu hồi khoáng sản có trách nhiệm:

a) Đăng ký, báo cáo khối lượng khoáng sản thu hồi với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện dự án, đồng thời thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình thu hồi;

b) Chịu sự kiểm tra của cơ quản lý nhà nước về khoáng sản; sự giám sát của Mặt trận tổ quốc Việt Nam tại địa phương và cộng đồng dân cư nơi có dự án;

c) Chỉ thu hồi khoáng sản thuộc phạm vi, khối lượng khoáng sản theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu khoáng sản được thu hồi;

đ) Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Luật này.

Điều 37. Bồi thường thiệt hại khi dự án đầu tư bị chấm dứt hoạt động tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia

1. Trường hợp Thủ tướng Chính phủ giảm diện tích khu vực dự trữ, giảm thời gian dự trữ khoáng sản quốc gia để phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh hoặc dự án quan trọng quốc gia mà ảnh hưởng trực tiếp đến dự án đầu tư thì chủ đầu tư dự án tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật khác có liên quan.

2. Nhà nước không chịu trách nhiệm đền bù thiệt hại cho chủ đầu tư dự án tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia khi đã hết thời gian dự trữ khoáng sản theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Mục 3

SỬ DỤNG ĐẤT, NƯỚC, KHU VỰC BIỂN VÀ HẠ TẦNG, KỸ THUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 38. Sử dụng đất, khu vực biển, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản được giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp không sử dụng lớp đất mặt hoặc hoạt động khai thác khoáng sản không ảnh hưởng đến việc sử dụng mặt đất của tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất hợp pháp.

2. Khi giấy phép khai thác được điều chỉnh cho phép trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản thì hợp đồng thuê đất, quyết định giao khu vực biển cũng được thay đổi tương ứng trừ trường hợp tổ chức, cá nhân vẫn có nhu cầu thuê đất, thuê sử dụng khu vực biển. Khi thay đổi tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản thì hợp đồng thuê đất, quyết định giao khu vực biển được thay đổi tương ứng.

3. Trường hợp thăm dò khoáng sản phải sử dụng đất, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản không phải thực hiện thủ tục giao đất, thuê đất nhưng phải thỏa thuận với tổ chức, cá nhân sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản được sử dụng hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện và hạ tầng kỹ thuật khác để phục vụ hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Sử dụng nước, xả thải vào nguồn nước trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản được khai thác, sử dụng tài nguyên nước và có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; bảo đảm sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả và có các biện pháp bảo đảm đời sống dân cư, tránh xung đột với các hoạt động khác.

2. Việc xả nước thải trong hoạt động khoáng sản phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Chương VI

HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, THU HỒI KHOÁNG SẢN, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

Mục 1

THĂM DÒ KHOÁNG SẢN NHÓM I, II VÀ III

Điều 40. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh ngành nghề thuộc lĩnh vực hoạt

động khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản bao gồm:

- a) Doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp;
- b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã;
- c) Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam.

2. Hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề thuộc lĩnh vực hoạt động khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III.

3. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải có đủ năng lực tài chính để thực hiện đề án thăm dò khoáng sản.

Điều 41. Điều kiện của tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản

1. Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản phải có đủ các điều kiện sau:
 - a) Được thành lập theo quy định của pháp luật;
 - b) Có người phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học chuyên ngành địa chất thăm dò đã công tác thực tế trong thăm dò khoáng sản; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thăm dò khoáng sản;
 - c) Có đội ngũ công nhân kỹ thuật chuyên ngành địa chất thăm dò và chuyên ngành khác có liên quan;
 - d) Có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công công trình thăm dò khoáng sản.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 42. Lựa chọn tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản lựa chọn tổ chức, cá nhân để cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 43. Lựa chọn diện tích để lập đề án thăm dò khoáng sản

1. Trong quá trình lập đề án thăm dò khoáng sản, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 40 của Luật này được khảo sát tại thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích thăm dò sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có khu vực dự kiến thăm dò khoáng sản chấp thuận bằng văn bản.

2. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

Điều 44. Diện tích khu vực thăm dò khoáng sản

1. Diện tích khu vực thăm dò của một giấy phép đối với loại hoặc nhóm khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này được quy định như sau:

- a) Không quá 100 kilômét vuông (km²) đối với than, bauxit;
- b) Không quá 50 kilômét vuông (km²) đối với đá quý, đá bán quý, khoáng sản kim loại;
- c) Không quá 10 kilômét vuông (km²) đối với khoáng sản không kim loại, trừ khoáng sản nhóm III;
- d) Không quá 200 kilômét vuông (km²) đối với khoáng sản ở vùng biển, trừ khoáng sản nhóm III. Trường hợp đặc biệt cần diện tích lớn hơn, Thủ tướng Chính phủ quyết định;
- đ) Không quá 02 kilômét vuông (km²) ở đất liền, không quá 01 kilômét vuông (km²) ở vùng đất có mặt nước; không quá 30 kilômét vuông (km²) ở khu vực biển đối với khoáng sản nhóm III;
- e) Không quá 02 kilômét vuông (km²) đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

2. Mức sâu của công trình thăm dò phải bảo đảm không chế hết thân khoáng sản và các cấu trúc địa chất có triển vọng đối với loại khoáng sản dự kiến thăm dò, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

3. Trường hợp thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng theo thỏa thuận trong Hiệp định liên Chính phủ, diện tích khu vực thăm dò được thực hiện theo Hiệp định.

Điều 45. Đề án thăm dò khoáng sản

1. Đề án thăm dò khoáng sản phải có các nội dung chính sau đây:
 - a) Hệ phương pháp thăm dò phù hợp để xác định được trữ lượng, chất lượng khoáng sản, điều kiện khai thác, khả năng chế biến và sử dụng các loại khoáng sản có trong diện tích thăm dò;
 - b) Khối lượng công tác thăm dò, số lượng, chủng loại mẫu vật cần lấy phân tích, bảo đảm đánh giá đầy đủ tài nguyên, trữ lượng và chất lượng khoáng sản theo mục tiêu thăm dò;
 - c) Giải pháp bảo vệ môi trường, an toàn lao động và vệ sinh lao động trong quá trình thăm dò;
 - d) Phương pháp tính trữ lượng;
 - đ) Giải pháp tổ chức thi công, tiến độ thực hiện đề án;
 - e) Dự toán chi phí thăm dò được lập theo bộ đơn giá công trình địa chất và các bộ đơn giá khác có liên quan do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định;
 - g) Thời gian thực hiện đề án thăm dò khoáng sản, thời gian trình công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.
2. Đề án thăm dò khoáng sản phải được thẩm định trước khi cấp giấy phép

thăm dò khoáng sản.

3. Chính phủ quy định hình thức, trình tự, thủ tục thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết mẫu, nội dung đề án thăm dò khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản và bộ đơn giá thi công các công trình địa chất.

Điều 46. Nguyên tắc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Việc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Giấy phép thăm dò khoáng sản chỉ được cấp ở khu vực không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp trừ trường hợp quy định tại điểm g khoản này;

b) Giấy phép thăm dò khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ở khu vực phù hợp với quy hoạch khoáng sản hoặc quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia;

c) Giấy phép thăm dò khoáng sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp ở khu vực phù hợp với quy hoạch tỉnh hoặc phương án quản lý về địa chất và khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này;

d) Không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

đ) Không thuộc khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia hoặc khu vực đang được điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản cùng loại với khoáng sản xin cấp giấy phép thăm dò;

e) Diện tích khu vực thăm dò không vượt quá diện tích thuộc quy hoạch khoáng sản;

g) Giấy phép thăm dò khoáng sản có thể được cấp trùng một phần hoặc toàn bộ về ranh giới bề mặt ở khu vực đang có hoạt động khoáng sản cho cùng một tổ chức để thăm dò khoáng sản ở các mức sâu khác nhau theo đề án thăm dò khoáng sản;

h) Mỗi tổ chức được cấp không quá 05 giấy phép thăm dò đối với một loại khoáng sản, không kể giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết hiệu lực; trừ trường hợp thực hiện theo quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia.

2. Việc thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được thực hiện trong trường hợp phương pháp, công nghệ thăm dò không ảnh hưởng đến mục đích cấm, tạm thời cấm và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 47. Giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản phải thể hiện các thông tin về tên tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản, địa danh khu vực, nội dung giấy phép và các yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

2. Nội dung giấy phép thăm dò:

- a) Loại khoáng sản, diện tích khu vực thăm dò khoáng sản;
- b) Phương pháp, khối lượng thăm dò;
- c) Thời hạn thăm dò khoáng sản.

3. Yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản:

- a) Nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ khác có liên quan;
- b) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp phép và các yêu cầu khác (nếu có).

4. Giấy phép thăm dò khoáng sản có thời hạn như sau:

Thời hạn thăm dò khoáng sản bao gồm thời gian thực hiện đề án thăm dò khoáng sản, thời gian lập báo cáo kết quả thăm dò, thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản và lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Không quá 48 tháng và có thể được gia hạn không quá 02 lần với tổng thời gian gia hạn không quá 24 tháng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Trường hợp hết thời hạn thăm dò theo quy định tại điểm a khoản này, tổ chức, cá nhân chưa hoàn thành thi công khối lượng công việc theo đề án thăm dò vì lý do bất khả kháng, giấy phép thăm dò khoáng sản được xem xét cấp lại theo quy định của Luật này;

c) Đối với việc thăm dò khoáng sản chiến lược, quan trọng, thời gian thăm dò được thực hiện theo thỏa thuận quy định trong Hiệp định liên Chính phủ.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hình thức, nội dung giấy phép thăm dò khoáng sản.

Điều 48. Cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

1. Việc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản được thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 46 của Luật này và dựa vào căn cứ sau:

a) Kết quả thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ cấp giấy phép thăm dò khoáng sản;

b) Mục đích, nhu cầu thăm dò khoáng sản thể hiện trong văn bản đề nghị cấp giấy phép.

2. Việc gia hạn giấy phép thăm dò được thực hiện để kéo dài thời hạn thăm

dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản hết hạn nhưng chưa hoàn thành khối lượng công việc theo đề án thăm dò và theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 47 của Luật này và dựa vào căn cứ sau:

- a) Kết quả thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản;
- b) Kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép;
- c) Nhu cầu gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản thể hiện trong văn bản đề nghị gia hạn giấy phép.

3. Việc cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản được thực hiện trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 47 của Luật này và dựa vào căn cứ sau:

- a) Kết quả thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản;
- b) Kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị cấp lại giấy phép;
- c) Nhu cầu cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản thể hiện trong văn bản đề nghị cấp lại giấy phép.

4. Việc điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản được thực hiện khi có thay đổi về tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích thăm dò; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; đồng thời dựa vào căn cứ sau:

- a) Kết quả thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản;
- b) Kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép;
- c) Nhu cầu điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản thể hiện trong văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép.

5. Việc trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản được thực hiện trong trường hợp giấy phép còn thời hạn nhưng tổ chức, cá nhân không thể triển khai thăm dò hoặc không thể tiếp tục thực hiện thăm dò.

6. Việc chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Điều 49 của Luật này.

7. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản; chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản gửi hồ sơ về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 113 của Luật này.

8. Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

9. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản; chuyển

nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

Điều 49. Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản phải có đủ điều kiện để được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật này.

2. Việc chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản chấp thuận; trường hợp được chấp thuận, tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản. Thời hạn thăm dò là thời gian còn lại của giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực.

3. Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản đã thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản có các quyền sau đây:

a) Sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến mục đích thăm dò và khu vực thăm dò;

b) Tiến hành thăm dò theo giấy phép thăm dò khoáng sản;

c) Được bổ sung, điều chỉnh phương pháp, khối lượng, hạng mục công việc thi công trong phạm vi khu vực thăm dò theo diễn biến thực tế trong quá trình thi công thăm dò sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận nhằm tăng mức độ tin cậy của kết quả thăm dò;

d) Chuyển ra ngoài khu vực thăm dò, kể cả ra nước ngoài các loại mẫu vật với khối lượng, chủng loại phù hợp với tính chất, yêu cầu phân tích, thử nghiệm theo đề án thăm dò đã được chấp thuận;

đ) Được ưu tiên cấp giấy phép khai thác khoáng sản tại khu vực đã thăm dò theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này;

e) Đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều 48 của Luật này; trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản trong trường hợp không thể triển khai thăm dò vì lý do bất khả kháng; trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản;

g) Đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;

h) Khiếu nại, khởi kiện quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

i) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

a) Nộp phí thăm định hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; thực hiện nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện đúng các nội dung trong giấy phép thăm dò khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

c) Bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra theo quy định của pháp luật;

d) Thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện;

đ) Thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm soát hoạt động thăm dò khoáng sản theo quy định của pháp luật về thanh tra, địa chất, khoáng sản và pháp luật khác có liên quan;

e) Thực hiện các công việc khi giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 55 của Luật này;

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại, ngoài việc thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản độc hại phải thực hiện các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường, tác động xấu đến sức khỏe con người; trường hợp đã gây ô nhiễm môi trường thì phải xác định đầy đủ các yếu tố gây ô nhiễm, thực hiện các biện pháp khắc phục, giảm thiểu ô nhiễm.

4. Trường hợp thăm dò khoáng sản phóng xạ hoặc có chứa chất phóng xạ đi kèm, ngoài việc thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản còn phải thực hiện quy định của Luật năng lượng nguyên tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều này.

Điều 51. Quyền ưu tiên đối với tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản được ưu tiên nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với trữ lượng khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận trong thời hạn 36 tháng, kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản hết hạn.

2. Hết thời hạn ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân đã thăm dò không gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với khu vực đã thăm dò thì mất quyền ưu tiên đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Luật này thì tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác phải hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật này.

Điều 52. Thăm dò khoáng sản sử dụng vốn ngân sách nhà nước

1. Nhà nước sử dụng vốn ngân sách để tổ chức thực hiện thăm dò khoáng sản đối với:

- a) Khoáng sản chiến lược, quan trọng;
- b) Khoáng sản có giá trị kinh tế, nhu cầu sử dụng lớn.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định thăm dò khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều này thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của mình.

4. Việc thăm dò khoáng sản sử dụng vốn ngân sách nhà nước không phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép thăm dò khoáng sản. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quy định tại Điều 113 của Luật này thực hiện việc đặt hàng hoặc đấu thầu lựa chọn tổ chức thực hiện đề án thăm dò khoáng sản sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

5. Chính phủ quy định chi tiết khoản 4 Điều này; quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức thực hiện đề án thăm dò khoáng sản.

Điều 53. Thẩm quyền công nhận kết quả thăm dò khoáng sản

1. Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của mình.

3. Chính phủ quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia.

Điều 54. Thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản về cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 06 tháng đối với giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, ít nhất 03 tháng đối với giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp.

2. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 53 của Luật này có trách nhiệm tổ chức thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản theo quy định của Chính phủ.

3. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản hết hạn (trừ trường hợp đang xem xét gia hạn hoặc cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản), trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản, phải có văn bản báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò xem xét, quyết định.

4. Sau thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản không gửi đủ hồ sơ đề nghị thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo quy định, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của Luật này thì mất quyền đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò cho tổ chức, cá nhân khác thì tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò trước đó không được hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục, cơ quan thẩm định, trình công nhận kết quả thăm dò khoáng sản; trình tự, thủ tục giao nộp báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

Điều 55. Thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật;

b) Sau 06 tháng, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản không tiến hành thăm dò, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Khu vực được phép thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

d) Tổ chức, cá nhân bị thu hồi quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã.

2. Giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép bị thu hồi;

b) Giấy phép hết hạn;

c) Giấy phép được trả lại;

d) Tổ chức thăm dò khoáng sản đã giải thể, hoặc phá sản, chấm dứt hoạt động;

đ) Theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết trọng tài.

3. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình và của các bên liên quan ra khỏi khu vực thăm dò; san lấp công trình thăm dò, bảo vệ khoáng sản, phục hồi môi trường, đất đai theo quy định; giao nộp mẫu vật, thông tin về khoáng sản đã thu thập được cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đang đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

Mục 2

KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM I, II VÀ III

Điều 56. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản bao gồm:

a) Doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã.

2. Hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III.

3. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải có đủ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

Điều 57. Khu vực khai thác khoáng sản, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản

1. Khu vực khai thác khoáng sản được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khếp góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp.

2. Diện tích, ranh giới theo chiều sâu của khu vực khai thác khoáng sản được xem xét trên cơ sở dự án đầu tư khai thác, phù hợp với trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác.

3. Diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản bao gồm: diện tích khu vực khai thác khoáng sản; diện tích các công trình phục vụ cho hoạt động khai thác nằm ngoài khu vực khai thác; diện tích hành lang bảo đảm an toàn trong khai thác mỏ.

4. Đối với khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên, việc xác định vị trí, diện tích khai thác theo tọa độ của giếng khoan hoặc cụm giếng khoan.

Điều 58. Nguyên tắc cấp giấy phép khai thác khoáng sản

1. Việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Giấy phép khai thác khoáng sản chỉ được cấp ở khu vực không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò, khai thác khoáng sản hợp pháp trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này;

b) Giấy phép khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ở khu vực phù hợp với quy hoạch khoáng sản hoặc quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia;

c) Giấy phép khai thác khoáng sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp ở khu vực phù hợp với quy hoạch tỉnh hoặc phương án quản lý về địa chất và khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật này;

d) Không khai thác khoáng sản tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 và khoản 10 Điều 36 của Luật này;

đ) Không khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;

e) Giấy phép khai thác khoáng sản có thể được cấp trùng một phần hoặc toàn bộ về ranh giới bề mặt ở khu vực đang có hoạt động khoáng sản cho cùng một tổ chức để khai thác khoáng sản ở các mức sâu khác nhau theo dự án khai thác khoáng sản.

2. Việc khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được thực hiện trong trường hợp khai thác theo phương pháp, công nghệ mà không ảnh hưởng đến mục đích cấm, tạm thời cấm được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 59. Giấy phép khai thác khoáng sản

1. Giấy phép khai thác khoáng sản phải thể hiện các thông tin về tên tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, nội dung giấy phép và các yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

2. Nội dung giấy phép bao gồm:

a) Vị trí, diện tích khu vực khai thác khoáng sản; mức sâu được phép khai thác; diện tích thực hiện dự án khai thác khoáng sản;

b) Loại khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm (nếu có);

c) Trữ lượng khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm;

d) Công suất khai thác tối đa, phương pháp khai thác;

đ) Thời hạn khai thác.

3. Các yêu cầu đối với tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản:

a) Nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ khác có liên quan;

b) Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép và các yêu cầu khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

4. Giấy phép khai thác có thời hạn như sau:

a) Thời hạn khai thác bao gồm thời gian xây dựng cơ bản, thời gian khai thác và thời gian đóng cửa mỏ, được xác định theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản nhưng không quá 30 năm và có thể được gia hạn nhiều lần, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá 20 năm; trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 71 và khoản 5 Điều 91 của Luật này;

b) Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản hết hạn (kể cả thời gian gia hạn) theo quy định mà khu vực được phép khai thác còn trữ lượng, thời hạn khai thác được xác định khi cấp lại giấy phép khai thác theo quy định tại khoản 3 Điều 60 của Luật này;

c) Trong trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác thì thời hạn khai thác là thời gian còn lại của giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp trước đó.

Điều 60. Cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

1. Việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản dựa vào các căn cứ sau:

a) Kết quả thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Nhu cầu khai thác, sử dụng khoáng sản thể hiện trong văn bản đề nghị cấp giấy phép.

2. Việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện để kéo dài thời hạn khai thác đối với trữ lượng còn lại trước khi giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực và dựa vào các căn cứ sau:

a) Kết quả thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Nhu cầu khai thác, sử dụng khoáng sản thể hiện trong văn bản đề nghị gia hạn giấy phép;

c) Kết quả hoạt động khai thác đến thời điểm đề nghị gia hạn; trữ lượng khoáng sản còn lại.

3. Việc cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản trong trường đã hết thời gian khai thác (kể cả thời gian gia hạn) theo quy định mà khu vực được phép khai thác còn trữ lượng và dựa vào các căn cứ sau:

a) Kết quả thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ cấp lại

giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Nhu cầu khai thác, sử dụng khoáng sản thể hiện trong văn bản đề nghị cấp lại giấy phép;

c) Kết quả hoạt động khai thác đến thời điểm đề nghị cấp lại; trữ lượng khoáng sản còn lại, diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác.

4. Việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện khi có thay đổi về trữ lượng khoáng sản; thay đổi về diện tích, chiều sâu khu vực được phép khai thác; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; tăng công suất khai thác; giảm công suất và kéo dài thời gian khai thác so với thời gian quy định trong giấy phép đã được cấp; thay đổi tên tổ chức, cá nhân, tên dự án; thay đổi phương pháp khai thác, công nghệ khai thác; đồng thời dựa vào các căn cứ sau:

a) Kết quả thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Văn bản, tài liệu minh chứng cho việc điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.

5. Việc trả lại giấy phép khai thác khoáng sản khi giấy phép khai thác khoáng sản còn thời hạn nhưng đã khai thác hết trữ lượng khoáng sản hoặc tổ chức, cá nhân không còn nhu cầu khai thác và dựa vào các căn cứ sau:

a) Kết quả thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ trả lại giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản đến thời điểm đề nghị trả lại giấy phép.

6. Việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định tại Điều 61 của Luật này.

7. Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định hồ sơ, cơ quan thẩm định, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

Điều 61. Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đã hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, đưa mỏ vào khai thác thì được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản phải

có đủ điều kiện được cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

3. Việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản chấp thuận.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

Điều 62. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có các quyền sau:

a) Sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến mục đích khai thác và khu vực được phép khai thác;

b) Tiến hành khai thác khoáng sản theo nội dung quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản và quy định của Luật này;

c) Được thăm dò bổ sung đề nâng cấp trữ lượng khoáng sản chính và xác định trữ lượng khoáng sản đi kèm (nếu có) trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

d) Được thu hồi khoáng sản trong phạm vi diện tích thực hiện dự án đầu tư khai thác mỏ khi tiến hành xây dựng cơ bản mỏ hoặc các hoạt động khác phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ nhưng phải báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản chấp thuận trước khi sử dụng;

đ) Cát giữ, vận chuyển, tiêu thụ, xuất khẩu và các quyền sở hữu khác đối với khoáng sản đã khai thác theo quy định của pháp luật;

e) Đề nghị gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản;

g) Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản;

h) Khiếu nại, khởi kiện quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản, đình chỉ hoạt động khai thác hoặc quyết định khác của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

i) Thuê đất, đất có mặt nước, giao khu vực biển theo quy định của pháp luật để thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản;

k) Sử dụng đất, đá thải mỏ để phục vụ cho mục đích cải tạo, phục hồi môi trường và các mục đích khác;

l) Thế chấp, góp vốn quyền khai thác khoáng sản;

m) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

a) Nộp phí thăm dò hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản; thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;

b) Ưu tiên sử dụng lao động địa phương để thực hiện dự án khai thác khoáng sản và các dịch vụ có liên quan;

c) Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về đất đai và các quy định khác có liên quan;

d) Hỗ trợ kinh phí đầu tư nâng cấp, duy tu, xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng trong khai thác khoáng sản và xây dựng công trình phúc lợi cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định của pháp luật; trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác thì tùy theo mức độ thiệt hại, có trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường theo quy định của pháp luật;

đ) Phối hợp với chính quyền địa phương bảo đảm việc chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân có đất bị thu hồi để khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan;

e) Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và các hoạt động khác được xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ được phê duyệt theo quy định; trừ trường hợp bất khả kháng;

g) Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản; thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;

h) Lập đề án thăm dò bổ sung gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản để xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện các hoạt động quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

i) Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ khoáng sản trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác; thực hiện bảo đảm kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động; thực hiện các quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về giám sát, kiểm soát hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật này;

k) Lưu giữ, cập nhật, cung cấp thông tin về kết quả thăm dò bổ sung, thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản; kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trước khi vận chuyển ra khỏi khu vực thực hiện dự án khai thác;

l) Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo;

m) Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra;

n) Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khác tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học trong khu vực khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ;

o) Đóng cửa mỏ; cải tạo, phục hồi môi trường khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo quy định của Luật này và pháp luật về bảo vệ môi trường;

p) Trường hợp đã khai thác đủ trữ lượng khoáng sản quy định trong giấy phép mà khu vực khai thác khoáng sản còn trữ lượng và giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực, phải tổng hợp, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản để điều chỉnh giấy phép theo quy định tại khoản 4 Điều 60 của Luật này; trừ trường hợp khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển quy định tại Chương VIII của Luật này;

q) Quyết toán khoáng sản khi giấy phép chấm dứt hiệu lực;

r) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định chi tiết điểm 1 khoản 1 và các điểm g, h, k, l và p khoản 2 Điều này.

Điều 63. Kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động trong khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, người làm việc tại mỏ khai thác khoáng sản phải thực hiện đầy đủ các quy định về kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải ban hành nội quy lao động của mỏ khoáng sản phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật an toàn, vệ sinh lao động.

3. Khi có nguy cơ xảy ra sự cố mất an toàn lao động, giám đốc điều hành mỏ phải áp dụng ngay các biện pháp cần thiết để loại trừ nguyên nhân xảy ra sự cố.

4. Khi xảy ra sự cố mất an toàn lao động, giám đốc điều hành mỏ hoặc nhân sự phụ trách về công tác kỹ thuật khai thác mỏ phải:

a) Áp dụng ngay các biện pháp khẩn cấp để khắc phục sự cố; cấp cứu, sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm;

b) Kịp thời báo cáo các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

c) Bảo vệ tài sản, bảo vệ hiện trường xảy ra sự cố, trừ trường hợp phải thực hiện các hoạt động quy định tại điểm a khoản này.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hỗ trợ việc cấp cứu và khắc phục hậu quả sự cố về an toàn lao động.

6. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện chế độ báo cáo về tai nạn lao động, an toàn lao động, vệ sinh lao động trong khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

7. Chính phủ quy định chi tiết về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản.

Điều 64. Thiết kế mỏ

1. Thiết kế mỏ thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng. Tùy thuộc quy mô, tính chất, loại và cấp công trình xây dựng, thiết kế mỏ được thực hiện theo trình tự một bước hoặc nhiều bước như sau:

a) Đối với các dự án khai thác khoáng sản có quy mô phù hợp với quy định về thiết kế một bước và thiết kế hai bước, thiết kế mỏ là thiết kế bản vẽ thi công;

b) Đối với các dự án khai thác khoáng sản có quy mô phù hợp với quy định về thiết kế ba bước, thiết kế mỏ bao gồm thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản chỉ được phép xây dựng cơ bản mỏ, khai thác khoáng sản khi đã có thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng và nộp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản.

3. Khi có các thay đổi về diện tích, trữ lượng, công suất, phương pháp, công nghệ khai thác đến mức phải điều chỉnh thiết kế mỏ thì phải điều chỉnh thiết kế mỏ theo quy định.

4. Bộ Công Thương quy định về việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh thiết kế mỏ.

Điều 65. Giám đốc điều hành mỏ

1. Khai thác khoáng sản phải có giám đốc điều hành mỏ; một giám đốc điều hành mỏ chỉ điều hành theo một giấy phép khai thác khoáng sản; trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

2. Giám đốc điều hành mỏ là người có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 4 Điều này do tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản bổ nhiệm hoặc do cá nhân được phép khai thác, người đứng đầu tổ chức được phép khai thác trực tiếp đảm nhiệm.

3. Giám đốc điều hành mỏ phải có các tiêu chuẩn sau đây:

a) Nắm vững quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Nắm vững quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành, các quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản;

c) Có trình độ tổ chức, quản lý, kinh nghiệm thực tế, kỹ thuật khai thác, kỹ thuật an toàn lao động, bảo vệ môi trường;

d) Giám đốc điều hành khai thác hầm lò phải có bằng kỹ sư hoặc tương đương với chuyên ngành khai thác mỏ hoặc xây dựng mỏ có thời gian trực tiếp khai thác tại mỏ hầm lò ít nhất là 05 năm;

đ) Giám đốc điều hành khai thác lộ thiên phải có bằng kỹ sư hoặc tương đương với chuyên ngành khai thác mỏ có thời gian trực tiếp khai thác tại mỏ lộ thiên ít nhất là 03 năm; trường hợp có bằng kỹ sư địa chất hoặc tương đương thì

phải được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ thuật khai thác mỏ và có thời gian tham gia trực tiếp khai thác khoáng sản tại mỏ lộ thiên ít nhất là 05 năm.

4. Các trường hợp sau đây không phải có giám đốc điều hành mỏ nhưng phải có nhân sự phụ trách về công tác kỹ thuật khai thác mỏ, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản:

- a) Hoạt động khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên;
- b) Khai thác tận thu khoáng sản, khai thác than bùn, khoáng sản nhóm II, III và IV mà không sử dụng vật liệu nổ;
- c) Khai thác khoáng sản tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ theo quy định tại Điều 30 của Luật này, trừ trường hợp sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc khai thác mỏ bằng phương pháp hầm lò.

5. Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản phải bảo đảm quyền và lợi ích của giám đốc điều hành mỏ; thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày bắt đầu khai thác mỏ hoặc trong trường hợp thay đổi giám đốc điều hành mỏ. Trường hợp giám đốc điều hành mỏ không đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều này, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân.

Điều 66. Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản rắn phải lập, cập nhật, quản lý và lưu giữ bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác từ khi bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ đến khi kết thúc khai thác khoáng sản theo giấy phép được cấp.

2. Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản là bản đồ số (bản đồ không gian 3 chiều) được biên tập trên các phần mềm chuyên dụng và bản đồ in có tỷ lệ phù hợp.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đối tượng lập, thời điểm nộp, nội dung bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác.

Điều 67. Thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác; kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại và quyết toán khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có trách nhiệm thực hiện công tác thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại để quyết toán khoáng sản định kỳ hàng năm; chịu trách nhiệm về số liệu đã thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại.

2. Thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác hàng năm và tổng trữ lượng

khoáng sản đã khai thác kể từ ngày bắt đầu khai thác đến thời điểm thống kê được tổng hợp từ các tài liệu gồm có:

a) Thông tin về tài nguyên, trữ lượng khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc công nhận; bình đồ tính tài nguyên, trữ lượng khoáng sản và mặt cắt tính tài nguyên, trữ lượng khoáng sản;

b) Sản lượng hoặc khối lượng khoáng sản được khai thác thực tế theo kết quả cân hoặc đo đạc; kết quả kê khai nộp thuế tài nguyên, thuế bảo vệ môi trường, phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản;

c) Thông tin, số liệu từ kết quả phân tích, đánh giá chất lượng hoặc hàm lượng khoáng sản; kết quả nghiệm thu, bàn giao khối lượng hoặc sản lượng khoáng sản đã được khai thác; khối lượng đất, đá được thải loại theo từng công đoạn khai thác;

d) Kết quả đo đạc thực tế về hiện trạng khai thác trong quá trình lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản đối với khoáng sản rắn.

3. Kiểm kê trữ lượng khoáng sản còn lại và quyết toán khoáng sản kể từ ngày bắt đầu khai thác đến thời điểm kiểm kê được tổng hợp từ các tài liệu gồm có:

a) Thông tin về trữ lượng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Kết quả thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác hàng năm hoặc tổng trữ lượng khoáng sản đã khai thác từ ngày bắt đầu khai thác đến thời điểm kiểm kê;

c) Số liệu về tài nguyên, trữ lượng các loại khoáng sản còn lại trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định các biểu mẫu, báo cáo quy định định tại Điều này.

Điều 68. Khai thác khoáng sản độc hại có chứa chất phóng xạ

1. Ngoài việc thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 62 của Luật này, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản độc hại có chứa chất phóng xạ còn phải thực hiện quy định của Luật Năng lượng nguyên tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chính phủ quy định tổ chức được phép khai thác khoáng sản độc hại có chứa phóng xạ.

Điều 69. Thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác khoáng sản

1. Giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật;

b) Sau 12 tháng, kể từ ngày giấy phép khai thác khoáng sản có hiệu lực, tổ

chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản chưa tiến hành hoạt động khai thác, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật;

c) Khu vực được phép khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép bị thu hồi;

b) Giấy phép hết hạn nhưng không đủ điều kiện để gia hạn, cấp lại;

c) Giấy phép được trả lại;

d) Tổ chức khai thác khoáng sản giải thể, phá sản;

đ) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

e) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hồi văn bản về chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

g) Theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết trọng tài.

3. Khi giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều này thì tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có nghĩa vụ:

a) Di chuyển tài sản của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực khai thác khoáng sản, trừ các công trình, thiết bị quy định tại điểm b khoản này; sau thời hạn này, tài sản còn lại thuộc sở hữu nhà nước;

b) Không được tháo dỡ, phá huỷ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực khai thác khoáng sản;

c) Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày giấy phép chấm dứt hiệu lực, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải hoàn thành việc lập và gửi hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực mà còn trữ lượng khoáng sản và tổ chức, cá nhân đã có giấy phép khai thác trước đó không đủ điều kiện để gia hạn hoặc cấp lại giấy phép khai thác thì việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác được thực hiện theo quy định của Luật này.

5. Chính phủ quy định chi tiết điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Mục 3

KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Điều 70. Khai thác tận thu khoáng sản

Khai thác tận thu là hoạt động khai thác khoáng sản còn lại ở bãi thải của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ.

Điều 71. Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Các thông tin, nội dung của giấy phép khai thác tận thu được thực hiện như giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 59 của Luật này.

2. Giấy phép khai thác tận thu có thời hạn như sau:

a) Thời hạn khai thác bao gồm thời gian xây dựng cơ bản, thời gian khai thác và thời gian cải tạo, phục hồi môi trường, được xác định theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản nhưng không quá 10 năm và có thể được gia hạn nhiều lần với tổng thời gian không quá 05 năm.

b) Trong trường hợp chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác thì thời hạn khai thác là thời gian còn lại của giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp trước đó.

Điều 72. Cấp, gia hạn, điều chỉnh và trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản

1. Việc cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản phải dựa vào các căn cứ sau:

a) Kết quả thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ cấp giấy phép;

b) Nhu cầu khai thác, sử dụng khoáng sản thể hiện trong văn bản đề nghị cấp giấy phép.

2. Việc gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện như quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 60 của Luật này; chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện như quy định tại điểm c khoản 4 Điều 59 và Điều 61 của Luật này.

3. Việc trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện dựa vào căn cứ sau:

a) Kết quả thẩm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hồ sơ trả lại giấy phép;

b) Kết quả hoạt động khai thác khoáng sản đến thời điểm đề nghị trả lại giấy phép.

4. Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định hồ sơ, cơ quan thẩm định,

trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản.

Điều 73. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu khoáng sản có các quyền sau:
 - a) Thực hiện các quyền như các quyền của của tổ chức, khai thác khoáng sản quy định tại các điểm a, b, d, đ, g, h, i, k, l và m khoản 1 Điều 62 của Luật này.
 - b) Đề nghị gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản;
2. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu khoáng sản có các nghĩa vụ như nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, i, k, l, m, n, o và r khoản 2 Điều 62 của Luật này.

Điều 74. Thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

1. Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:
 - a) Giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật;
 - b) Sau 12 tháng, kể từ ngày giấy phép khai thác tận thu khoáng sản có hiệu lực, tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu khoáng sản chưa tiến hành hoạt động khai thác, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật;
 - c) Khu vực khai thác tận thu khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.
2. Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Giấy phép bị thu hồi;
 - b) Giấy phép hết hạn nhưng không đủ điều kiện để gia hạn;
 - c) Giấy phép được trả lại;
 - d) Tổ chức khai thác khoáng sản giải thể, phá sản;
 - đ) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;
 - e) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hồi văn bản về chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;
 - g) Theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết trọng tài.

3. Khi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản có nghĩa vụ thực hiện các yêu cầu quy định tại khoản 3 Điều 69 của Luật này.

4. Trường hợp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

5. Chính phủ quy định trình tự thu hồi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mục 4

ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Điều 75. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nhóm IV

1. Tổ chức, cá nhân như quy định tại Điều 56 của Luật này.

2. Ban quản lý dự án đầu tư được thành lập theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng.

Điều 76. Quy định chung về khai thác khoáng sản nhóm IV

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản nhóm IV không phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản nhưng phải thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động khai thác theo quy định tại Điều 77 của Luật này, trừ trường hợp khai thác tận thu khoáng sản.

2. Nguyên tắc hoạt động khai thác khoáng sản nhóm IV:

a) Chỉ cho phép khai thác ở khu vực không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò, khai thác khoáng sản hợp pháp;

b) Việc khai thác khoáng sản nhóm IV tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia không được ảnh hưởng đến chất lượng, số lượng khoáng sản dự trữ.

3. Tổ chức, cá nhân khoáng sản nhóm IV thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với khoáng sản khai thác được tương ứng với quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản quy định tại Điều 62 của Luật này; thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường, bảo đảm an toàn lao động theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc khảo sát, lập hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động khai thác khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác.

Điều 77. Đăng ký khai thác khoáng sản nhóm IV

1. Tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đăng ký khai thác khoáng sản nhóm IV và gửi về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này để được xem xét, xác nhận bản đăng ký khai thác khoáng sản nhóm IV.

2. Thẩm quyền xác nhận bản đăng ký khai thác khoáng sản nhóm IV:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận đối với trường hợp khai thác khoáng sản nhóm IV có tổng khối lượng khoáng sản từ 01 triệu m³ trở lên hoặc khu vực khai thác nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp huyện trở lên;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận khai thác khoáng sản nhóm IV, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ đăng ký khai thác khoáng sản.

4. Chính phủ quy định cơ quan thẩm định, trình tự, thủ tục xác nhận bản đăng ký khai thác.

Mục 5

THU HỒI KHOÁNG SẢN

Điều 78. Tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản đang còn hiệu lực đối với khoáng sản nhóm I, II và III.

2. Chủ dự án đầu tư, nhà thầu thi công các hạng mục công trình của dự án đầu tư.

3. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa, cải tạo các tuyến đường thủy nội địa, luồng hàng hải, vùng nước cảng, bến thủy nội địa, cảng biển; nạo vét lòng hồ thủy lợi, thủy điện theo dự án, kế hoạch được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện hoạt động cải tạo đất ở, đất nông nghiệp, lâm nghiệp.

Điều 79. Quy định chung về thu hồi khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 78 của Luật này được thu hồi khoáng sản trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi khoáng sản các loại từ hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa, cải tạo các tuyến đường thủy nội địa, luồng hàng hải, vùng nước cảng, bến thủy nội địa, cảng biển; nạo vét lòng hồ thủy lợi, thủy điện theo dự án, kế hoạch được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thu hồi khoáng sản nhóm III, IV dôi dư từ hoạt động cải tạo đất ở, đất nông nghiệp, lâm nghiệp (đất lúa, đất nuôi trồng thủy sản hoặc đất trồng cây lâu năm, đất đồi rừng);

c) Thu hồi khoáng sản các loại trong quá trình xây dựng cơ bản mỏ; khoáng sản các loại tại bãi thải của mỏ đang hoạt động; khoáng sản các loại trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ;

d) Thu hồi khoáng sản các loại ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép thực hiện kể cả khoáng sản nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dữ trữ khoáng sản quốc gia.

2. Tổ chức, cá nhân thu hồi khoáng sản thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với khoáng sản thu hồi được tương ứng với quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản; trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 102 của Luật này.

3. Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải đăng ký hoạt động thu hồi khoáng sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký việc thu hồi khoáng sản.

Mục 6

CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

Điều 80. Tổ chức, cá nhân chế biến khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký kinh doanh ngành nghề chế biến khoáng sản, bao gồm:

a) Doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư;

b) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã.

2. Hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề chế biến khoáng sản.

Điều 81. Quy định chung về chế biến khoáng sản

1. Chế biến khoáng sản phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp với quy hoạch khoáng sản hoặc quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành có sử dụng khoáng sản và quy hoạch tỉnh;

b) Việc chế biến khoáng sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoáng sản, đầu tư và pháp luật khác có liên quan;

c) Khoáng sản đưa vào chế biến có nguồn gốc hợp pháp theo quy định của pháp luật;

d) Khuyến khích áp dụng công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, sử dụng thiết bị hiện đại, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường theo mô hình kinh tế tuần hoàn trong hoạt động chế biến khoáng sản.

2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương VII

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN; ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

Mục 1**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN****Điều 82. Yêu cầu chung về bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản**

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải ưu tiên sử dụng công nghệ, thiết bị, vật liệu thân thiện với môi trường; thực hiện các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản phải thực hiện các giải pháp và chịu mọi chi phí bảo vệ, cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 83. Nội dung bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản

1. Nội dung bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản

a) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản độc hại, khai thác khoáng sản với quy mô lớn phải lập, phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trước khi triển khai dự án đầu tư khai thác khoáng sản;

b) Kế hoạch quản lý rủi ro được xây dựng, tích hợp, triển khai đồng bộ, thống nhất với các kế hoạch ứng phó sự cố môi trường, phải được cập nhật trong từng giai đoạn phát triển của dự án khai thác khoáng sản và khi có các nguy cơ, rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện dự án;

c) Tổ chức, cá nhân có hoạt động khai thác khoáng sản quy định tại điểm a khoản này gửi kế hoạch quản lý rủi ro sau khi phê duyệt hoặc cập nhật cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 113 của Luật này và có trách nhiệm thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro trong các giai đoạn hoạt động của dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mẫu kế hoạch quản lý rủi ro trong hoạt động khai thác khoáng sản.

4. Chính phủ quy định chi tiết điểm a khoản 2 Điều này.

Mục 2**ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN****Điều 84. Yêu cầu chung về hoạt động đóng cửa mỏ khoáng sản**

Việc đóng cửa mỏ khoáng sản phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Quyết toán khoáng sản.
2. Đưa môi trường tự nhiên như đất, nước, thảm thực vật, cảnh quan của toàn bộ hay từng phần khu vực mỏ sau khai thác đạt các yêu cầu cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Bảo đảm sự ổn định và an toàn của khu vực sau khi đóng cửa mỏ.
4. Tối ưu hiệu quả sử dụng đất sau khi đóng cửa mỏ.

Điều 85. Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản phải lập đề án đóng cửa mỏ đối với toàn bộ hoặc một phần diện tích khai thác khoáng sản trong các trường hợp sau đây:

- a) Đã khai thác hết toàn bộ trữ lượng;
- b) Giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực, đã tiến hành hoạt động khai thác;
- c) Trả lại một phần diện tích đã khai thác.

2. Đối với các giấy phép khai thác khoáng sản nước khoáng, nước nóng thiên nhiên, khoáng sản ở lòng sông, lòng hồ, khu vực biển không phải lập đề án đóng cửa mỏ nhưng phải lập phương án đóng cửa mỏ.

3. Các trường hợp khác không quy định tại khoản 1 Điều này không phải lập và thực hiện đóng cửa mỏ.

Điều 86. Thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ, chấp thuận phương án đóng cửa mỏ

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này phải gửi hồ sơ đề nghị thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 113 của Luật này để được thẩm định, phê duyệt trước khi thực hiện hoạt động đóng cửa mỏ.

2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ, quyết định điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ theo thẩm quyền quy định tại Điều 113 của Luật này.

3. Việc thẩm định đề án đóng cửa mỏ được thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ do Chính phủ quy định.

4. Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ là căn cứ để thực hiện hoạt động sau đây:

- a) Thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động đóng cửa mỏ của tổ chức, cá nhân;
- b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 88

của Luật này.

5. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này có nghĩa vụ lập hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ khoáng sản khi có nhu cầu thay đổi về thời gian, khối lượng các hạng mục công việc, kinh phí thực hiện trong đề án đóng cửa mỏ đã được phê duyệt.

6. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 85 của Luật này, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lập phương án đóng cửa mỏ gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 113 của Luật này xem xét, chấp thuận trước khi thực hiện việc đóng cửa mỏ.

7. Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án đóng cửa mỏ.

8. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 1, 2, 3, 5 và 6 Điều này; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh đề án đóng cửa mỏ, chấp thuận phương án đóng cửa mỏ.

Điều 87. Thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này phải thực hiện đề án đóng cửa mỏ sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 113 của Luật này phê duyệt đề án đóng cửa mỏ.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị giải thể, phá sản thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc lựa chọn đơn vị có đủ năng lực để lập và tổ chức thực hiện đề án đóng cửa mỏ theo quy định của pháp luật về đấu thầu đối với tất cả các giấy phép khai thác khoáng sản trên địa bàn.

3. Kinh phí thực hiện đề án đóng cửa mỏ quy định tại khoản 2 Điều này được lấy từ tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản. Trường hợp không đủ kinh phí để thực hiện theo dự toán, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thực hiện đề án đóng cửa mỏ bổ sung phần kinh còn thiếu từ nguồn ngân sách của địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 88. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Quyền của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ:

a) Được hoàn trả từng phần hoặc toàn bộ tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường khi tổ chức, cá nhân hoàn thành công tác đóng cửa mỏ một phần diện tích hoặc toàn bộ diện tích khu vực khai thác khoáng sản theo đề án đóng cửa mỏ đã phê duyệt;

b) Điều chỉnh về thời gian, khối lượng của các hạng mục công việc trong đề án đóng cửa mỏ sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép;

c) Được thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai phù hợp với thời gian thi công đề án đóng cửa mỏ;

d) Thu hồi khoáng sản trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ;

đ) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ:

a) Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi ranh giới khu vực thực hiện đề án đóng cửa mỏ đến thời điểm bàn giao khu vực đã đóng cửa mỏ cho địa phương quản lý;

b) Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Thực hiện đầy đủ khối lượng các hạng mục công việc theo tiến độ nêu trong đề án đóng cửa mỏ;

d) Bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ;

đ) Báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để nghiệm thu;

e) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ;

g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung đề án đóng cửa mỏ; thông tin, số liệu, hồ sơ, tài liệu nghiệm thu, quyết toán khối lượng thực hiện đề án đóng cửa mỏ;

h) Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, nghiệm thu và ban hành quyết định đóng cửa mỏ sau khi hoàn thành nội dung đề án đóng cửa mỏ;

i) Bồi thường thiệt hại do hoạt động đóng cửa mỏ gây ra;

k) Thanh lý hợp đồng thuê đất với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

l) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 89. Nghiệm thu kết quả thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ lập hồ sơ đề nghị nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ và gửi về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được nghiệm thu, phê duyệt, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 85 của Luật này.

2. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra thực địa, nghiệm thu kết quả thực hiện đóng cửa mỏ và ban hành quyết định đóng cửa mỏ

theo thẩm quyền quy định tại Điều 113 của Luật này.

3. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 85 của Luật này, tổ chức, cá nhân phải lập báo cáo kết quả thực hiện việc đóng cửa mỏ.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định hồ sơ, cơ quan thẩm định, trình tự, thủ tục nghiệm thu kết quả thực hiện đóng cửa mỏ và ban hành quyết định đóng cửa mỏ.

Chương VIII

QUẢN LÝ CÁT, SỎI LÒNG SÔNG, LÒNG HỒ VÀ KHU VỰC BIỂN

Điều 90. Nguyên tắc hoạt động thăm dò, khai thác, thu hồi cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển

1. Hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và ở khu vực biển ngoài việc tuân thủ các quy định đối với khoáng sản nhóm II quy định tại Luật này còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Tuân thủ quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh; quy hoạch thủy lợi; quy hoạch thủy điện; quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước; quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ; quy hoạch không gian biển quốc gia;

b) Hoạt động khai thác phải được kiểm soát và giám sát bằng các phương tiện, thiết bị công nghệ hiện đại để bảo đảm kiểm soát được sự biến động trữ lượng khoáng sản; nguy cơ mất an toàn và ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường;

c) Hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông phải dựa trên nguyên tắc về khả năng bồi hoàn của tự nhiên để phòng chống rủi ro sạt lở lòng bờ, bãi sông và các công trình khác cần được bảo vệ.

2. Hoạt động nạo vét, cải tạo các tuyến đường thủy nội địa, đường hàng hải, cảng sông, cảng biển; nạo vét lòng hồ thủy lợi, thủy điện có kết hợp thu hồi cát, sỏi, ngoài việc thực hiện theo quy định của luật này còn phải thực hiện các yêu cầu sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật về giao thông đường thủy nội địa, thủy lợi, hàng hải, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan;

b) Không lợi dụng hoạt động nạo vét, cải tạo các tuyến đường thủy nội địa, đường hàng hải, cảng sông, cảng biển; nạo vét lòng hồ thủy lợi, thủy điện để khai thác cát, sỏi trái phép;

c) Phải đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

3. Hoạt động khai thác, thu hồi cát, sỏi lòng sông, lòng hồ và khu vực biển phải được đánh giá tác động tới lòng sông, lòng hồ, bờ sông, bờ hồ, bờ biển và bãi

sông, bãi hồ, bãi biển. Nội dung đánh giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước, tài nguyên môi trường biển và hải đảo, bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan.

4. Trường hợp đã khai thác đủ trữ lượng khoáng sản quy định trong giấy phép phải dừng khai thác và thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 91. Nguyên tắc cấp giấy phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển

Ngoài việc thực hiện các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 46 và khoản 1 Điều 58 của Luật này phải bảo đảm các yêu cầu sau:

1. Đối với hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông trước khi cấp giấy phép, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về đường thủy nội địa, phòng chống thiên tai, thủy lợi.

2. Đối với hoạt động thăm dò, khai thác cát biển trước khi cấp giấy phép, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được giao liên quan đến quốc phòng, an ninh, thủy sản, bảo vệ môi trường, giao thông hàng hải.

3. Đối với hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng hồ, trước khi cấp giấy phép, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về phòng chống thiên tai, thủy lợi, thủy điện (nếu có).

4. Trường hợp khu vực thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, ở khu vực biển giáp ranh từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên, trước khi cấp giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép phải lấy ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giáp ranh.

5. Giấy phép khai thác có thời hạn tối đa không quá 5 năm và được xem xét gia hạn, cấp lại giấy phép cho đến hết trữ lượng quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản.

6. Giấy phép khai thác phải quy định thời gian được phép khai thác trong ngày, thời gian khai thác trong năm.

Điều 92. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khai thác, cát, sỏi lòng sông, lòng hồ, khu vực biển

1. Thực hiện các quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật này.

2. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 62 của Luật này và các yêu cầu sau:

a) Đăng ký bến bãi, vị trí tập kết, loại phương tiện, thiết bị được sử dụng để

khai thác, vận chuyển cát, sỏi theo quy định của pháp luật giao thông đường thủy nội địa, pháp luật khác có liên quan;

b) Lắp đặt thiết bị giám sát hành trình và lưu trữ dữ liệu, thông tin về vị trí, hành trình di chuyển của phương tiện, thiết bị sử dụng để khai thác, vận chuyển cát, sỏi;

c) Ký hợp đồng vận chuyển với các chủ phương tiện đủ điều kiện vận chuyển theo quy định của pháp luật trong trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác không trực tiếp vận chuyển cát, sỏi;

d) Lắp đặt bảng thông báo để công khai thông tin về giấy phép khai thác, dự án khai thác;

đ) Thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm về phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan.

3. Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều này.

Chương IX

THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

Điều 93. Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản

1. Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản gồm thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản và thông tin, dữ liệu trong hoạt động khoáng sản, bao gồm:

- a) Dữ liệu điều tra cơ bản địa chất,
- b) Dữ liệu điều tra địa chất về khoáng sản;
- c) Dữ liệu quan trắc, cảnh báo trong điều tra cơ bản địa chất, địa chất môi trường, tai biến địa chất;
- d) Dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên địa chất, khoáng sản;
- đ) Kết quả của các chương trình, đề án, đề tài, dự án, nhiệm vụ trong quản lý, điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về điều tra địa chất, khoáng sản;
- e) Kết quả thống kê, kiểm kê tài nguyên địa chất, khoáng sản;
- g) Dữ liệu khác liên quan đến điều tra địa chất, tài nguyên địa chất, khoáng sản trong nước và quốc tế;
- h) Thông tin, dữ liệu về giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản;
- i) Thông tin, dữ liệu báo cáo định kỳ hoạt động khoáng sản và đóng cửa mỏ; kết quả thanh tra, kiểm tra;
- k) Thông tin dữ liệu về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm

thời cấm hoạt động khoáng sản;

l) Thông tin, dữ liệu khu vực đấu giá, khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

m) Thông tin, dữ liệu về kết quả thăm dò khoáng sản;

n) Mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng.

2. Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản được thiết kế tổng thể và xây dựng thành hệ thống thống nhất trong cả nước, phục vụ đa mục tiêu, theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quốc tế được công nhận tại Việt Nam; phục vụ xây dựng, quản lý, khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản, bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản;

b) Hạ tầng kỹ thuật số, hệ thống phần mềm, an toàn thông tin.

3. Cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản là tập hợp thống nhất toàn bộ kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, tài nguyên địa chất, khoáng sản; hoạt động khoáng sản trong phạm vi cả nước được chuẩn hóa theo chuẩn quốc gia, được xây dựng, cập nhật, lưu trữ và quản lý đáp ứng yêu cầu truy nhập, cung cấp, sử dụng thống nhất từ Trung ương đến địa phương, phục vụ công tác quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu về địa chất, khoáng sản; quy định các mẫu biểu thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

5. Chính phủ quy định việc xây dựng cơ sở dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

Điều 94. Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản

1. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản có trách nhiệm giao nộp:

a) Báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản;

b) Tài liệu nguyên thủy thu thập trong quá trình thực hiện đề án điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản;

c) Mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng thu thập được trong quá trình thực hiện đề án điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác khoáng sản có trách nhiệm cung cấp định kỳ hoặc đột xuất thông tin về hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về địa chất, khoáng sản thông qua hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản; Bảo tàng địa chất và khoáng sản quy định tại Điều 97 Luật này có trách nhiệm thu nhận, lưu giữ, bảo quản thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của pháp luật về lưu trữ, bảo tàng và theo quy định của Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định mẫu tài liệu, báo cáo, quy cách mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 95. Lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản

1. Thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 93 của Luật này phải được lưu giữ, bảo quản, bảo mật theo quy định của Luật này và pháp luật về lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Thời hạn lưu giữ, bảo quản thông tin, dữ liệu, mẫu vật địa chất, khoáng sản:

a) Thời hạn bảo quản thông tin, dữ liệu được xác lập đối với từng loại thông tin, dữ liệu theo quy định của Chính phủ;

b) Các loại thông tin, dữ liệu, mẫu vật bị hư hỏng không thể phục chế hoặc hết giá trị sử dụng chỉ được tiêu huỷ khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Điều 96. Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản

1. Hình thức khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản:

a) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử hoặc kết nối, truy nhập, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của cơ quan chủ quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

b) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu;

c) Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng giữa đơn vị quản lý thông tin, dữ liệu và bên khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản:

a) Theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân, phù hợp với mục đích sử dụng theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Chính phủ quy định chi tiết nội dung Điều này.

Điều 97. Trách nhiệm của cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản; Bảo tàng địa chất và khoáng sản

1. Trách nhiệm của cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu:

- a) Kiểm tra, thu nhận các thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản theo quy định;
- b) Lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật về lưu trữ, quy định bảo quản dữ liệu về tài nguyên và môi trường bảo đảm đầy đủ, nguyên trạng, an toàn, dễ tra cứu sử dụng và đáp ứng các yêu cầu về chuyển đổi số, sở hữu trí tuệ;
- c) Quản lý, bảo vệ an toàn kho lưu trữ tài liệu địa chất; cung cấp thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật về lưu trữ, an toàn thông tin mạng và pháp luật khác có liên quan; vận hành cơ sở dữ liệu về địa chất, khoáng sản.

2. Trách nhiệm của Bảo tàng địa chất và khoáng sản

Bảo tàng địa chất và khoáng sản nằm trong hệ thống bảo tàng thiên nhiên Việt Nam, thuộc cơ quan quản lý nhà nước về địa chất của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có trách nhiệm:

- a) Lưu giữ, bảo quản các mẫu vật địa chất, khoáng sản được giao nộp;
- b) Giới thiệu di chỉ địa chất, di sản địa chất, công viên địa chất, bằng chứng quá trình phát sinh, phát triển vỏ trái đất và lịch sử hình thành, phát triển ngành địa chất Việt Nam;
- c) Trưng bày, giới thiệu các mẫu vật địa chất, khoáng sản để phục vụ công tác quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập, tham quan và hưởng thụ văn hóa của công chúng.

Điều 98. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản

- 1. Sử dụng đúng mục đích thông tin, dữ liệu được cung cấp.
- 2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật.
- 3. Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu.
- 4. Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp.
- 5. Trả phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Luật này và pháp luật về phí, lệ phí.
- 6. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

Chương X
TÀI CHÍNH VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN
VÀ ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Mục 1

TÀI CHÍNH VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

Điều 99. Nguồn thu ngân sách nhà nước từ hoạt động điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản và hoạt động khoáng sản

1. Thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí.
2. Tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản do nhà nước đầu tư theo quy định của Luật này.
3. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật này.

Điều 100. Nguyên tắc xác định hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đã đầu tư

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư, bao gồm:

a) Các trường hợp do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Các trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đầu tư điều tra địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản phục vụ đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

2. Chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản sẽ được phê duyệt bổ sung khi có sự thay đổi về trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác.

3. Các trường hợp không phải hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đầu tư:

a) Các trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 113 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và trường hợp đầu tư thăm dò khoáng sản để đấu giá quyền khai thác;

b) Các trường hợp quy định tại Điều 70 và Điều 79 của Luật này;

4. Chính phủ quy định chi tiết phương pháp xác định, phương thức hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản.

Điều 101. Hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản giữa các tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân đã đầu tư theo nguyên tắc:

a) Trong thời hạn ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này, việc hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân đã đầu tư theo nguyên tắc tự thỏa thuận;

b) Sau thời hạn ưu tiên theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 113 của Luật này quyết định chi phí phải hoàn trả.

2. Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản bị công bố phá sản, giải thể hoặc không còn hoạt động tại địa chỉ đăng ký mà quyền sử dụng thông tin, kết quả thăm dò khoáng sản không được chuyển giao hợp pháp cho tổ chức, cá nhân khác thì thuộc về Nhà nước.

3. Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản có nghĩa vụ chi trả kinh phí xác định chi phí phải hoàn trả cho đơn vị được giao nhiệm vụ xác định chi phí thăm dò khoáng sản.

4. Việc hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản giữa các tổ chức, cá nhân được thực hiện trước khi cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quy định phương pháp xác định, phương thức hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản giữa các tổ chức, cá nhân.

Điều 102. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Nhà nước thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thông qua đấu giá hoặc không đấu giá.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, thu hồi khoáng sản phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Các trường hợp không phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

a) Thu hồi khoáng sản trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà khoáng sản khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó;

b) Thu hồi khoáng sản trong diện tích đất thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó.

Điều 103. Phương pháp xác định, phương thức thu, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở các căn cứ sau:

- a) Sản lượng khoáng sản khai thác thực tế theo từng năm;
- b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
- c) Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản kê khai và nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hàng năm.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Mục 2

ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 104. Khu vực đấu giá, không đấu giá quyền khai thác khoáng sản

1. Khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, bao gồm:

a) Khu vực quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Khu vực quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ, lẻ; khu vực khai thác tận khu khoáng sản.

2. Khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản là khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ và được thực hiện như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Sở Tài nguyên và Môi trường khoanh định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 105. Nguyên tắc đấu giá

Việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

1. Chỉ tiến hành đấu giá đối với khu vực đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 113 của Luật này phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Cuộc đấu giá chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền quy định tại Điều 113 Luật này quyết định việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thông qua Hội đồng đấu giá tài sản hoặc thuê tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện.

4. Các nguyên tắc khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

Điều 106. Giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, tiền đặt cọc

1. Giá khởi điểm trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Bước giá được xác định tối thiểu là 1% và tối đa là 10% giá khởi điểm.

3. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá được nhận lại tiền đặt cọc trong các trường hợp sau:

a) Đã được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản đối với trường hợp đấu giá ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản;

b) Đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với trường hợp đấu giá ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản;

c) Hết thời hạn quy định tại các điểm a và điểm b khoản 4 Điều 108 của Luật này nhưng không được cấp phép hoạt động khoáng sản mà không phải do lỗi của tổ chức, cá nhân.

4. Tiền đặt cọc không được hoàn lại và được nộp vào ngân sách nhà nước đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 3 Điều này, trừ trường hợp chưa hết thời hạn quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 108 của Luật này.

5. Chính phủ quy định chi tiết phương pháp xác định tiền đặt trước.

Điều 107. Điều kiện của tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá

1. Tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia cuộc đấu giá khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau đây:

a) Có hồ sơ tham gia đấu giá theo quy định;

b) Đáp ứng các điều kiện của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản quy định tại Điều 40 của Luật này đối với trường hợp đấu giá tại khu vực chưa có kết quả thăm dò khoáng sản hoặc và tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản quy định tại điểm Điều 56 của Luật này đối với trường hợp đấu giá tại khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân được tham gia cuộc đấu giá khi đủ các điều kiện sau:

a) Được xét chọn đủ điều kiện tham gia đấu giá;

b) Đã nộp tiền đặt trước theo quy định;

c) Không vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Quá thời hạn quy định, tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a và điểm b khoản 4 Điều 108 Luật này không được tham gia các cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong thời hạn 05 (năm), kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá đó.

4. Chính phủ quy định về hồ sơ mời đấu giá, hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá, việc xét chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia cuộc đấu giá.

Điều 108. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá và tổ chức, cá nhân trúng đấu giá

1. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá có các quyền sau đây:

a) Tham khảo tài liệu địa chất, khoáng sản liên quan đến khu vực đấu giá theo quy định của pháp luật về khoáng sản, pháp luật khác có liên quan;

b) Khảo sát thực địa khu vực đấu giá;

c) Các quyền khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản;

2. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện quy chế cuộc đấu giá;

b) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và pháp luật khác có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có các quyền sau đây:

a) Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 113 của Luật này gửi quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá;

b) Được sử dụng thông tin về khoáng sản liên quan đến khu vực trúng đấu giá;

c) Được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản sau khi hoàn thành thủ tục đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của Luật này;

d) Các quyền khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan.

4. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có nghĩa vụ sau đây:

a) Trường hợp trúng đấu giá ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản, trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

b) Trường hợp trúng đấu giá ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản, trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; trường hợp bất khả kháng được kéo dài nhưng không quá 12 tháng;

c) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Đấu giá tài sản và pháp luật có liên quan.

Điều 109. Phương pháp tính, phương thức thu, nộp tiền cấp quyền khai

thác khoáng sản ở khu vực trúng đấu giá

1. Phương pháp tính, phương thức thu, nộp tiền cấp quyền trúng đấu giá; quản lý sử dụng tiền cấp quyền trúng đấu giá thực hiện như đối với tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp cấp giấy phép khai thác không qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản và các quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

2. Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các khoáng sản đi kèm phát hiện trong quá trình thăm dò, khai thác sau khi đấu giá, được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép thu hồi, khai thác được xác định bằng mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

3. Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với loại khoáng sản đưa ra đấu giá được áp dụng ổn định trong suốt thời gian khai thác khoáng sản.

4. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 110. Hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền ban hành quyết định hủy quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong trường hợp:

a) Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá không nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 51; các điểm a và b khoản 4 Điều 108 của Luật này;

b) Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá có văn bản đề nghị hủy kết quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản hết hiệu lực trong trường hợp bị hủy kết quả đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

Chương XI

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

Điều 111. Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ

1. Trách nhiệm của Chính phủ trong quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản:

a) Thống nhất quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trong phạm vi cả nước;

b) Ban hành kịp thời, đầy đủ các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Địa chất

và Khoáng sản, nghị định xử phạt vi phạm hành chính về địa chất, khoáng sản;

c) Ban hành các nghị quyết để quyết định các biện pháp quản lý, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước liên quan đến chỉ đạo, điều hành về các dự án điều tra địa chất, đầu tư thăm dò, khai thác khoáng sản;

d) Trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội về đề xuất sửa đổi, bổ sung dự án Luật Địa chất và Khoáng sản hoặc kiến nghị Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành nghị quyết liên quan đến vấn đề quản lý địa chất, khoáng sản.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trong phạm vi cả nước, gồm:

a) Chủ trì xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về địa chất, khoáng sản; ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về địa chất, khoáng sản;

b) Chủ trì xây dựng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; chủ trì và tổ chức thực hiện quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản;

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về địa chất, khoáng sản; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công tác điều tra địa chất, khoáng sản;

d) Cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi, cho phép chuyển nhượng, chấp thuận trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản; cho phép thu hồi khoáng sản; phê duyệt đề án đóng cửa mỏ, ban hành quyết định đóng cửa mỏ; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền;

đ) Tổng hợp kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; khai thác, sử dụng tài nguyên địa chất; hoạt động khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản hàng năm; quản lý thông tin, dữ liệu, mẫu vật địa chất, khoáng sản;

e) Khoanh định và công bố các khu vực khoáng sản phân tán nhỏ, lẻ; khoanh định và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo thẩm quyền; khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; danh mục khoáng sản chiến lược, quan trọng; khu vực thăm dò khoáng sản bằng vốn ngân sách nhà nước;

g) Quyết định việc cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc Bộ tham gia các tổ chức quốc tế về địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật;

h) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản; giải quyết khiếu nại, tố cáo về địa chất, khoáng sản; xử lý vi phạm pháp luật về địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật;

i) Tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, ứng dụng chuyển

giao công nghệ trong lĩnh vực địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật;

k) Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để tổ chức thực hiện pháp luật về địa chất, khoáng sản, giám sát hoạt động về bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản;

l) Công bố, xuất bản các tài liệu, thông tin điều tra địa chất, khoáng sản;

m) Thường trực Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia;

n) Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Luật này.

3. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực khoáng sản; bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác tại khu vực biên giới, hải đảo hoặc khu vực cấm hoạt động khoáng sản vì lý do quốc phòng, an ninh.

4. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản theo quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan.

Điều 112. Trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan; quản lý hoạt động khoáng sản tại địa phương; ban hành quy chế phối hợp giữa các địa phương hoặc giữa các địa phương với các Bộ, ngành trong quản lý nhà nước về khoáng sản;

b) Phê duyệt đề án, báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh và được thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách của địa phương theo quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản và quy hoạch tỉnh; công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Tổ chức lưu trữ thông tin, dữ liệu về địa chất, khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

d) Cấp, gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi, cho phép chuyển nhượng, chấp thuận trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; cho phép thu hồi khoáng sản; phê duyệt đề án đóng cửa mỏ, ban hành quyết định đóng cửa mỏ; tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền; xác nhận bản đăng ký khai thác khoáng sản nhóm IV thuộc thẩm quyền;

đ) Giải quyết theo thẩm quyền việc cho thuê đất, giao khu vực biển, sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật;

e) Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; quyết định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo thẩm quyền;

g) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, trách nhiệm quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo về địa chất, khoáng sản; xử lý vi phạm pháp luật về địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật;

h) Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; quản lý, bảo vệ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 73 của Luật này; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại khu vực có tài nguyên địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật;

i) Huy động và chỉ đạo phối hợp các lực lượng trên địa bàn để theo dõi, phát hiện, ngăn chặn và giải tỏa hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên địa chất, hoạt động khoáng sản trái phép tại địa phương;

k) Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; tham gia hoạt động hợp tác quốc tế về lĩnh vực địa chất, khoáng sản theo quy định của pháp luật;

l) Truyền thông, phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về địa chất, khoáng sản; giáo dục, nâng cao nhận thức, ý thức về địa chất, khoáng sản;

m) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản ở trung ương về tình hình hoạt động địa chất, khoáng sản trên địa bàn;

n) Thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Luật này.

2. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về địa chất, khoáng sản tại địa phương;

b) Báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp tình hình hoạt động địa chất, khoáng sản trên địa bàn;

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về địa chất, khoáng sản;

d) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản theo thẩm quyền;

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; huy động và chỉ đạo phối hợp các lực lượng trên địa bàn để

giải tỏa, ngăn chặn hoạt động khai thác tài nguyên địa chất, khoáng sản trái phép.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về hoạt động khai thác tài nguyên địa chất, khoáng sản trái phép trên địa bàn; phối hợp với các cơ quan chức năng bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác tại địa phương.

Điều 113. Thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò, khai thác khoáng sản

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm I và II, giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I và II, không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp:

a) Giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III;

b) Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I và II tại các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố;

c) Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nhóm I, II và III.

3. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nào thì có quyền cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi, chấp thuận trả lại giấy phép đó; trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Chính phủ quy định thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp mà trong quá trình thăm dò, khai thác phát hiện khoáng sản đi kèm có trữ lượng thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 114. Thanh tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản

1. Cơ quan quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản.

2. Tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành về địa chất, khoáng sản thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về thanh tra.

Chương XII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 115. Sửa đổi, bổ sung một số luật có liên quan đến lĩnh vực địa chất, khoáng sản

1. Bãi bỏ Điều 8 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14.

2. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 44 của Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14.

3. Bãi bỏ mục 31 và sửa đổi, bổ sung tên quy hoạch ngành quốc gia có thứ tự 29, 32 và 33 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 như sau:

29.	Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất, khoáng sản
32.	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm I
33.	Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản nhóm II

Điều 116. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận để giải quyết theo thủ tục hành chính về địa chất, khoáng sản trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện theo quy định của Luật này.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động khoáng sản trước ngày Luật này có hiệu lực thì được thực hiện như sau:

a) Tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn quy định trong giấy phép;

b) Trường hợp gia hạn, cấp lại, điều chỉnh, trả lại, chuyển nhượng giấy phép hoạt động khoáng sản, được thực hiện theo quy định của Luật này.

3. Tổ chức, cá nhân được chấp thuận thu hồi khoáng sản trước ngày Luật này có hiệu lực thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn quy định trong văn bản chấp thuận.

4. Trường hợp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản trước thời điểm Luật này có hiệu lực, trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực có nghĩa vụ hoàn thiện, nộp hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật này. Hết thời hạn nêu trên, tổ chức, cá nhân không gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với khu vực đã thăm dò thì mất quyền ưu tiên đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

5. Quyết định phê duyệt kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do Nhà nước đã đầu tư được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực được xử lý như sau:

a) Tiếp tục thực hiện theo quyết định đã được phê duyệt; trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản sau ngày Luật này có hiệu lực, chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản do Nhà nước đã đầu tư đối với phần trữ lượng gia tăng (nếu có) được xác định theo quy định của Luật này;

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân chưa được cấp giấy phép khai thác khoáng sản thì thực hiện theo quy định của Luật này, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đã thực hiện nghĩa vụ hoàn trả.

6. Các quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về quy hoạch khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia; phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ; phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được tiếp tục thực hiện đến khi có quyết định thay thế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, quyết định phê duyệt tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh theo quy định của Luật này.

8. Đối với các khu vực khoáng sản đang thực hiện quy trình đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng chưa niêm yết, thông báo công khai, việc tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định của Luật này.

Điều 117. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025. Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 118. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật; hướng dẫn những nội dung cần thiết khác của Luật này để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước./.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày ... tháng ... năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI